

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Sư phạm Lịch sử**

Mã số: **7140218**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Tên cơ sở đào tạo: **Trường Đại học Hải Dương**

PHẦN 1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về Trường Đại học Hải Dương

Trường Đại học Hải Dương là Trường công lập trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương, được thành lập ngày 26 tháng 07 năm 2011 trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hải Dương và được đổi tên thành Trường Đại học Hải Dương theo Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 27/4/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 448/QĐ-TTg về việc Sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương. Trước khi sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, Trường Cao đẳng Hải Dương có truyền thống xây dựng và phát triển 63 năm, là cơ sở đào tạo giáo viên uy tín trong tỉnh và trên toàn quốc.

Với bề dày lịch sử hơn 60 năm xây dựng và phát triển Trường đạt được nhiều thành tích, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất năm học 2014 - 2015. Nhiệm vụ chủ yếu của Trường là đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, nghiên cứu khoa học và các dịch vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Trường Đại học Hải Dương đang triển khai thực hiện Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án sáp nhập Trường cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương và chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn 2045 với các mục tiêu và giải pháp đồng bộ nhằm đưa Trường tiếp tục phát triển, đóng góp tích cực vào việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, chiến lược khoa học và công nghệ của đất nước.

2. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Nhà trường có 345 cán bộ, giảng viên, nhân viên, người lao động, trong đó có 33 Tiến sĩ về khoa học giáo dục. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà trường đang phát triển nhanh và bền vững, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm tốt. Mặt khác, Nhà trường có mời một số giảng viên thỉnh giảng có trình độ Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và thực tiễn từ các cơ sở đào tạo đại học và các cơ

quan, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Nhà trường được Tỉnh cho phép và đang tích cực mời các nhà khoa học cùng các chuyên gia ở trong và ngoài nước; đặc biệt là những người đang sinh sống ở tỉnh Hải Dương và Hà Nội tham gia giảng dạy, hợp tác nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo trình, học liệu phù hợp với thực tiễn của Hải Dương và các tỉnh, thành phố lân cận.

3. Các ngành đào tạo

Giai đoạn từ 2019 đến nay, Trường Đại học Hải Dương tập trung tổ chức tuyển sinh, đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học,... cụ thể:

* Trình độ Thạc sĩ, gồm 02 ngành:

1. Kế toán
2. Quản lí kinh tế

* Trình độ đại học, gồm 12 ngành:

1. Kế toán
2. Quản trị kinh doanh
3. Tài chính - Ngân hàng
4. Quản trị văn phòng
5. Chăn nuôi
6. Công nghệ thông tin
7. Kỹ thuật điện
8. Phát triển nông thôn
9. Chính trị học
10. Kinh tế
11. Ngôn ngữ Anh
12. Quản trị dịch vụ Du lịch & Lữ hành

4. Tổ chức dạy và học

Đào tạo theo học chế tín chỉ:

- Nhà trường đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ đối với trình độ đại học từ năm học 2011 - 2012;

- Học viên, sinh viên, giảng viên và cán bộ quản lí đã thích ứng với việc giảng dạy và học tập theo học chế tín chỉ.

Đổi mới cách dạy và học:

- Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng các học phần kiến thức ngoại ngữ, tin học và các kĩ năng bổ trợ, cập nhật kiến thức cho các học phần hàng năm;

- Xây dựng và triển khai ngân hàng đề thi, đẩy mạnh chống gian lận trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí đào tạo

Trường đã ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong việc quản lí các hoạt

động, các dữ liệu được số hóa. Nhà trường hợp đồng với VNPT Hải Dương đặt mạng Internet cáp quang với tốc độ đường truyền 200Mbps. Xây dựng, triển khai, duy trì hệ thống mạng LAN và wifi phủ kín toàn trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống máy chủ để cài đặt phần mềm đào tạo, các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng. Sử dụng Google Meet và Microsoft Team trong công tác đào tạo trực tuyến. Sử dụng hệ thống email đồng bộ, giúp cho việc ban hành văn bản nhanh, kịp thời.

6. Kiểm định chất lượng

Năm học 2020 - 2021, Trường đã hoàn thành tự đánh giá cơ sở giáo dục. Báo cáo Tự đánh giá đã được Cục Quản lý chất lượng (Bộ Giáo dục và Đào tạo) chấp thuận và đồng ý triển khai các bước đánh giá ngoài (6/2020). Trường đã đăng kí kiểm định chất lượng, kí hợp đồng với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) để thực hiện đánh giá ngoài. CEA-AVU&C đã thực hiện khảo sát sơ bộ (15/11/2020), khảo sát chính thức (19/11/2020 - 24/11/2020) để phục vụ đánh giá ngoài. Kết quả, Trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (Giấy chứng nhận số CSGD2021.04/CEA-AVU&C cấp ngày 26/5/2021).

7. Về cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất: Hiện tại Trường Đại học Hải Dương có 04 cơ sở đào tạo:

- Trụ sở chính (cơ sở 1): Khu đô thị phía Nam, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích đất được giao 294.903,2 m² (bao gồm cả khu Kí túc xá sinh viên).

- Cơ sở 2: Số 42, đường Nguyễn Thị Duệ (20.108 m²) và số 250 đường Nguyễn Lương Bằng (4962,4 m²), phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Cơ sở 3: Khu 8, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (19.813 m²).

- Cơ sở 4: Khu Tiên Trung, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương (15.523,4 m²).

Theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 tỉ đồng đến 250 tỉ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc,... khang trang, hiện đại.

8. Giới thiệu về đơn vị chuyên môn quản lý ngành Sư phạm Lịch sử

Đơn vị chuyên môn quản lý ngành Sư phạm Lịch sử có tiền thân là Khoa Xã hội của Trường Cao đẳng Hải Dương. Quá trình hình thành và phát triển của khoa có thể chia thành ba giai đoạn chính.

Giai đoạn từ năm 1960 đến năm 1996, khoa đào tạo theo địa chỉ các đơn ngành Cao đẳng Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử khoảng 150 đến 200 sinh viên mỗi năm.

Khoa cũng tham gia bồi dưỡng giáo viên trình độ 10 + 3 lên trình độ Cao đẳng, trung bình 100 học viên/ lượt. Trong thời gian này, khoa đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách về đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất,... để khẳng định được vai trò, vị thế của mình; đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh Hải Dương, tỉnh Hưng Yên và nhiều tỉnh khác.

Giai đoạn từ năm 1996 đến năm 2010, do nhu cầu của việc dạy học tích hợp đối với các môn khoa học xã hội ở các trường THCS trong tỉnh, đồng thời nhằm giải quyết thực trạng giáo viên phải dạy “chéo môn”, dạy môn không được đào tạo, khoa đã chuyển hướng đào tạo từ đơn ngành thành song ngành, với một số mã ngành đào tạo mang tính tích hợp như Văn - Sử, Văn - Địa, Văn - Giáo dục công dân. Sau đó phát triển thêm ngành Sử - Giáo dục công dân, Địa - Giáo dục công dân. Bên cạnh đó, khoa bắt đầu đào tạo một số ngành ngoài sư phạm như Việt Nam học, Quản lý văn hóa, Thư viện Thông tin, thể hiện việc khoa bắt kịp với sự chuyển biến của xã hội và hội nhập với xu thế chung của các trường Cao đẳng và Đại học là đào tạo theo nhu cầu. Đây cũng là giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn của khoa khi chỉ tiêu đào tạo sinh viên ngành sư phạm giảm dần. Được sự tín nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương, giảng viên của khoa đã tham gia vào đội ngũ cốt cán thay sách giáo khoa Ngữ văn THCS (năm 2000) do Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì.

Giai đoạn từ năm 2010 đến nay, khoa tiếp tục đào tạo các ngành sư phạm và ngoài sư phạm; đảm nhiệm một số học phần khoa học xã hội ở ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Sư phạm Tiếng Anh. Không chỉ vậy, khoa còn mở rộng đối tượng đào tạo, bồi dưỡng đến các cán bộ làm nghề Công tác xã hội ở Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Chữ thập đỏ, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Trung tâm Cai nghiện thuộc 12 huyện, thị và thành phố. Số lượng cán bộ được bồi dưỡng nghề Công tác xã hội trong 5 năm khoảng 1500 người. Song song với công tác bồi dưỡng nghề Công tác xã hội, khoa có nhiệm vụ đào tạo nghề Công tác xã hội trình độ trung cấp. Hai khóa đào tạo với số lượng gần 100 học sinh đã đáp ứng nhu cầu chuẩn hóa cán bộ làm công tác xã hội ở các địa phương trong tỉnh. Các giảng viên dạy môn Ngữ văn trong khoa còn phụ trách hai khóa đào tạo tiếng Việt cho học viên và học sinh tỉnh Viêng Chăn (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào) sang học tập tại tỉnh Hải Dương theo chương trình hợp tác giữa tỉnh Hải Dương và tỉnh Viêng Chăn. Những kinh nghiệm dạy tiếng Việt cho người nước ngoài là điều kiện để mở rộng đối tượng đào tạo của khoa khi có cơ hội hợp tác quốc tế. Khoa cũng cung cấp nguồn nhân lực cho hai trường THCS Chu Văn An và Trường THPT Chu Văn An. Các giảng viên trong khoa được giao nhiệm vụ ở Trường THCS và THPT đều nỗ lực “làm mới” mình để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục phổ thông.

Ở mỗi giai đoạn nói trên, các giảng viên trong khoa luôn chủ động, tích cực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp. So với các khoa khác trong Nhà trường, Khoa Xã hội có số lượng giảng viên học nghiên cứu sinh nhiều nhất. Đến nay, 06 đồng chí đi học nghiên cứu sinh đã

bảo vệ thành công luận án và đạt học vị Tiến sĩ. Các giảng viên của khoa không chỉ đăng kí đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường mà còn là thành viên, chủ nhiệm các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, có kết quả nghiệm thu đều đạt loại Giỏi, loại Xuất sắc.

Như vậy, bằng quá trình đào tạo bài bản có nền tảng là sự tâm huyết và sáng tạo của các thầy cô, từ khi thành lập cho đến nay, trải qua ba giai đoạn hoạt động, Khoa Xã hội đã làm tròn sứ mệnh của mình là đào tạo nhiều thế hệ giáo viên trung học cơ sở với chất lượng cao. Nhiều sinh viên của khoa trưởng thành, sau một số năm trải nghiệm nghề nghiệp đã đảm nhiệm cương vị hiệu trưởng ở các trường THCS hoặc công tác ở các Vụ, Viện, Hội Nhà báo, Ban Quản lí Di tích,... Với những thành tích này, khoa nhiều lần được Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương tặng Bằng khen.

Sau khi Trường Cao đẳng Hải Dương sáp nhập vào Trường Đại học Hải Dương, Khoa Xã hội của Trường Cao đẳng Hải Dương kết hợp với một bộ phận của khoa Khoa học cơ bản Trường Đại học Hải Dương để tổ chức thành khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội. Với bề dày, thương hiệu trong quản lí, đào tạo giáo viên các ngành Khoa học Xã hội (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân,...) trình độ cao đẳng, khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội của Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể làm tốt chức năng quản lí, đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học.

PHẦN 2. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1.1. Sự phù hợp với nhu cầu đào tạo, nhu cầu nhân lực

Trong báo cáo tổng kết năm học 2021 - 2022, triển khai nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay toàn quốc có 86,1% giáo viên THCS và 99,9% giáo viên THPT đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019. Mặt khác, theo báo cáo tại phiên giải trình do Ủy ban Văn hóa, Giáo dục tổ chức ngày 25 tháng 02 năm 2022, cả nước thiếu 14.653 giáo viên THCS, 11.133 giáo viên THPT. Về cơ bản, tỉ lệ và số liệu này cho thấy đội ngũ giáo viên chưa hẳn đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng và chất lượng giáo viên trung học thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trước tình hình thiếu giáo viên, ngày 02 tháng 8 năm 2022, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Công văn số 3585/BGDĐT-NGCBQLGD gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai tuyển dụng biên chế giáo viên mầm non, phổ thông theo Quyết định số 72-QĐ/TW của Bộ Chính trị ngày 18 tháng 7 năm 2022. Cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo khẩn trương triển khai tổ chức tuyển dụng 27.850 biên chế giáo viên mầm non và phổ thông bổ sung cho các tỉnh, thành phố năm học 2022 - 2023. Mặt khác, trong định hướng chiến lược đào tạo giáo viên, từ năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao chỉ tiêu đào tạo sư phạm theo nhu cầu của các địa phương. Năm 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao 69.630 chỉ tiêu cho 102 trường đào tạo giáo viên trên cả nước, nếu so với năm 2019 thì chỉ tiêu năm 2020 tăng tương đương 64% (năm 2019 là 44.076 chỉ tiêu). Việc giao tăng chỉ tiêu này nhằm đảm bảo lộ trình thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Do đó, đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Lịch sử trình độ đại học nói riêng trong những cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng là việc làm phù hợp để giải quyết bài toán thực tế và thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.

Hải Dương, xét về vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên, nằm ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Hồng, thuộc tam giác kinh tế trọng điểm phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), tiếp giáp với các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh, Thái Bình, Hưng Yên và thành phố cảng Hải Phòng; có tiềm năng lớn về sản xuất vật liệu xây dựng, như đá vôi, đất sét, cao lanh, quặng bô-xít,... Ở khía cạnh hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng, Hải Dương có các tuyến đường bộ (quốc lộ 5A, 188, 18,...), đường sắt (tuyến Hà Nội - Hải Phòng đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa qua bảy trạm trên dọc tuyến đường), đường thủy (tuyến đường thủy dài 400 km rất thuận tiện cho việc vận chuyển của các loại tàu bè có trọng tải khoảng 500 tấn); gần hai sân bay - sân bay quốc tế Nội Bài Hà Nội và sân bay Cát Bi Hải Phòng. Hải Dương cũng nổi bật ở

phương diện văn hóa tâm linh với 1.098 khu di tích lịch sử, trong đó có 133 di tích quốc gia và nhiều khu di tích được xếp hạng đặc biệt Quốc gia như Côn Sơn, Kiếp Bạc... Như vậy, Hải Dương là tỉnh hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... Đầu tư giáo dục và đào tạo nhằm ổn định và phát triển các yếu tố nói trên cho vùng đất là phen giậu phía đông của kinh thành Thăng Long xưa, thủ đô Hà Nội nay.

Kết quả cuộc Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình năm 2021 cho biết dân số Hải Dương là 1.936.774 người, mật độ dân số 1.161 người/km², đứng thứ tám trong cả nước. Với một tỉnh đông dân, mật độ dân số cao như Hải Dương thì vấn đề giáo dục đào tạo luôn luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm.

Theo thống kê, năm học 2022 - 2023, Hải Dương có 26.815 giáo viên, cán bộ quản lý khối công lập, gồm 22.559 người trong diện biên chế, còn lại là hợp đồng. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 của khối THPT đạt 100%, THCS đạt 93,5%, Tiểu học đạt 95,7%, Mầm non đạt 97%. So với nhu cầu giáo viên để thực hiện chương trình Giáo dục phổ thông mới, năm học 2023 - 2024, toàn tỉnh Hải Dương thiếu 3.794 giáo viên các cấp, 1.194 giáo viên cấp THCS và THPT, trong đó có giáo viên Lịch sử.

Như vậy, ngoài việc bổ sung cho những nơi hiện đang thiếu giáo viên Lịch sử, bổ sung cho những giáo viên Lịch sử hiện nay sắp hết tuổi công tác thì việc cung cấp nguồn giáo viên Lịch sử có trình độ đại học để đáp ứng cho quy mô học sinh THCS, THPT tăng lên trong những năm tới là rất quan trọng. Do đó, khi khảo sát nhu cầu người học và nhà tuyển dụng tại các trường THCS, THPT, 100% ý kiến cho rằng cần thiết có cơ sở đào tạo giáo viên trung học nói chung, giáo viên Lịch sử nói riêng trên địa bàn tỉnh để kịp thời bổ sung số giáo viên còn thiếu của các trường phổ thông, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2030.

Trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương, chỉ đạo của ngành, Thủ tướng Chính phủ về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, trong đó có chương trình dạy học môn Lịch sử ở THCS, THPT. Chính vì vậy, Trường Đại học Hải Dương nhận thấy việc mở ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học là xu hướng tất yếu, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Hải Dương cũng như của khu vực Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

1.2. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo

Mục tiêu phát triển Trường Đại học Hải Dương sau sáp nhập thành trường đại học trọng điểm của tỉnh Hải Dương và khu vực Đồng bằng sông Hồng là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục Hải Dương. Việc đào tạo sinh viên Sư phạm Lịch sử trình độ đại học cho phép tận dụng tối đa nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường Đại

học Hải Dương, đặc biệt là đội ngũ giảng viên sư phạm. Không chỉ vậy, nó còn nâng cao vị thế của Trường Đại học Hải Dương tại tỉnh Hải Dương và khu vực, góp phần đưa Trường Đại học Hải Dương trở thành đại học trọng điểm định hướng nghiên cứu đa ngành, trong đó có một số ngành mũi nhọn, tạo điều kiện hội nhập sâu rộng vào cộng đồng giáo dục đại học trong nước, quốc tế, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Từ những lí do nêu trên, Trường Đại học Hải Dương xét thấy việc mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử trình độ đại học là hoàn toàn cần thiết.

2. Khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành của cơ sở đào tạo

Thực hiện Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định pháp lí hiện hành có liên quan, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo, cụ thể như sau:

Nhà trường đã cho khảo sát, phân tích về nhu cầu sử dụng giáo viên Lịch sử trung học ở hiện tại và tương lai của tỉnh Hải Dương và các tỉnh khác trong khu vực, trên toàn quốc để làm rõ sự cần thiết của việc mở ngành đào tạo.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường đã tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo đã được xây dựng bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở phê duyệt của Hội đồng Trường Đại học Hải Dương về chủ trương mở ngành đào tạo, Hiệu trưởng Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử: xây dựng chương trình đào tạo, thẩm định chương trình đào tạo, kiểm tra các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của ngành.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Hải Dương đã tổ chức thẩm định Đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử trình độ đại học, trong đó đã xem xét, đánh giá kĩ điều kiện thực tế của Trường Đại học Hải Dương về mở ngành: tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lí đối với ngành đào tạo đề xuất mở. Kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cho thấy Trường Đại học Hải Dương có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo theo quy định.

Trên cơ sở Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường thông qua chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương đã kí quyết định ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học, mã số 7140218.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo luôn là thế mạnh của Trường Đại học Hải Dương. Nội dung chương trình đào tạo của các ngành đào tạo hiện nay của nhà trường thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, tăng cường thực hành nghề nghiệp, đảm bảo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hải Dương thường xuyên tiếp cận với chương trình đào tạo của các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn và khu vực, gắn với thực tiễn để đào tạo phù hợp với nhu cầu của người học, với sự phát triển kinh tế - xã hội. Các ngành đào tạo đều được xây dựng chuẩn đầu ra, làm thước đo cho việc đào tạo. Các hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới phương pháp học tập, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng của xã hội... được thực hiện cả ở cấp khoa và trường. Nội dung, chương trình đào tạo được triển khai theo hướng tăng cường rèn năng lực nghiệp nghề đã giúp sinh viên ra trường làm được việc ngay, đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Hiệu trưởng nhà trường đã chỉ đạo tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học của nhà trường cụ thể như sau:

THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Sư phạm Lịch sử
Tên chương trình (Tiếng Anh):	History Teacher Education
Trình độ đào tạo:	Đại học
Mã ngành đào tạo:	7140218
Khoa quản lý chương trình:	Ngữ văn và Khoa học Xã hội
Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thời gian đào tạo:	4 năm
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Số tín chỉ yêu cầu:	125
Điều kiện tốt nghiệp:	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo 125 tín chỉ; - Đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; - Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân sư phạm

Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy môn Lịch sử tại các trường THCS, THPT; - Làm chuyên viên ở các cơ sở giáo dục; - Làm chuyên viên ở các viện nghiên cứu (Viện Sử học, Viện Lịch sử Quân sự,...); - Giảng dạy Lịch sử tại các trường Cao đẳng, Đại học sau khi học bổ sung kiến thức, học lên bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ đáp ứng yêu cầu chuyên môn.
Khả năng học tập nâng cao trình độ:	- Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước và ngoài nước
Chương trình đào tạo tham khảo:	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Lịch sử Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Lịch sử Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; - Chương trình đào tạo Đại học Sư phạm Lịch sử Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên.

CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;
- Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;
- Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

- Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Quyết định số 448/QĐ-TTg ngày 27/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào trường Đại học Hải Dương;

- Quyết định số 362/QĐ-ĐHHD ngày 28/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương về việc ban hành quy chế về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương.

1. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Lịch sử có mục tiêu đào tạo được một đội ngũ giáo viên Lịch sử tại các trường trung học, chuyên viên phụ trách chuyên môn Lịch sử tại các cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu Lịch sử tại các cơ quan văn hóa thuộc tỉnh Hải Dương và trong cả nước.

Người học sau khi tốt nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có sức khỏe tốt; có năng lực nghề nghiệp vững vàng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những yêu cầu của lí luận và thực tiễn; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ, phát triển chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về khoa học Lịch sử và các kiến thức liên ngành khoa học xã hội và nhân văn.

PO2: Có kiến thức đầy đủ, hệ thống và hiện đại về khoa học giáo dục, phương pháp dạy học Lịch sử.

PO3: Sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và khoa học giáo dục.

PO4: Sử dụng thành thạo các kĩ năng dạy học Lịch sử: lập kế hoạch dạy học Lịch sử, thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học Lịch sử, kiểm tra đánh giá năng lực Lịch sử của học sinh.

PO5: Có năng lực phát triển chương trình Lịch sử, biên soạn tài liệu sách giáo khoa, tham khảo môn Lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

PO6: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề khoa học giáo dục và khoa học Lịch sử.

PO7: Có năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại và ngoại ngữ trong dạy học Lịch sử.

PO8: Có một số năng lực khác như năng lực giao tiếp; năng lực tự học suốt đời; năng lực quản lý thời gian và tổ chức cuộc sống, thích ứng với những biến động của cuộc sống và xã hội; năng lực làm việc theo nhóm, hợp tác, chia sẻ.

PO9: Tuân thủ hiến pháp và luật pháp, có thái độ sống trung thực, trách nhiệm, có kỉ luật, tuyên truyền, vận động, tham gia các hoạt động xã hội có ích cho cộng đồng.

PO10: Rèn luyện đạo đức, tác phong người giáo viên; yêu nghề, say mê nghiên cứu và có ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa Việt.

PO11: Truyền tải và gìn giữ các giá trị của văn hóa truyền thống của Việt Nam và địa phương, phát huy các giá trị phù hợp với thời đại hội nhập, xây dựng các phẩm chất năng động, hội nhập của công dân toàn cầu.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Chuẩn đầu ra

2.1.1. Về kiến thức

PLO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lí luận chính trị và pháp luật Việt Nam trong hoạt động thực tiễn của bản thân và công việc; thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và cuộc sống.

PLO2: Vận dụng được các kiến thức tâm lí học, giáo dục học, quản lí nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

PLO3: Vận dụng được kiến thức chuyên môn toàn diện vào dạy học Lịch sử và giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

PLO4: Vận dụng được kiến thức cơ bản về Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam, phương pháp dạy học Lịch sử để phát triển kiến thức mới, để có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

PLO5: Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Lịch sử; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lí tốt các tình huống dạy học, giáo dục.

PLO6: Đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực người học, nhu cầu phát triển năng lực người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kĩ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp.

2.1.2. Về kĩ năng

PLO7: Giao tiếp hiệu quả và thực hiện được hoạt động tư vấn trong hoạt động dạy học, giáo dục và hướng nghiệp.

PLO8: Khai thác được các ứng dụng của công nghệ thông tin để tự học, nghiên cứu khoa học, dạy học, đánh giá và quản lí học sinh.

PLO9: Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PLO10: Vận dụng được các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm về khoa học Lịch sử cho học sinh trong môi trường giáo dục đa văn hóa.

PLO11: Vận dụng hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của người học trong học tập môn Lịch sử ở trường phổ thông.

PLO12: Vận dụng sáng tạo tri thức đã học vào giải quyết các vấn đề thực tiễn ở trường phổ thông.

PLO13: Sử dụng linh hoạt kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm trong dạy học Lịch sử và trong cuộc sống.

2.1.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO15: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn; đánh giá được bối cảnh của sự thay đổi và năng lực của bản thân để lập kế hoạch tự bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ.

PLO16: Có tư duy phản biện xã hội, tuyên truyền, lan tỏa những thông điệp tích cực đến học sinh, đồng nghiệp, phụ huynh.

2.2. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Chức danh nghề nghiệp	Giáo viên, nghiên cứu viên	Viên chức, cán bộ	Chuyên viên, nhà báo, biên tập viên	Phóng viên, biên tập viên	Giảng viên	Cán bộ hướng dẫn viên
Môi trường làm việc						
Các cơ sở giáo dục phổ thông	2	0	0	0	0	0
Các cơ quan văn hóa, truyền thông, các tạp chí, nhà xuất bản	0	2	1	1	0	0
Cơ quan quản lý giáo dục, viện nghiên cứu có liên quan đến lĩnh vực giáo dục	0	2	2	0	0	0

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo										
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
PLO7 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO8 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO9 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO10 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO11 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO12 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO13 (KN)			X	X	X	X	X	X			
PLO14 (MĐTC&TN))									X	X	X
PL015 (MĐTC&TN)									X	X	X
PL016 (MĐTC&TN)									X	X	X
Tổng	6	6	7	7	7	7	7	7	3	3	3

3. CHUẨN ĐẦU VÀO CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học là người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng được:

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hàng năm cho các phương thức tuyển sinh đào tạo hình thức chính quy sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT.

- Ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo giáo viên cho đào tạo hình thức khác chính quy hoặc phương thức tuyển sinh không sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, cụ thể là học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Ngưỡng đầu vào do cơ sở đào tạo quy định đối với người đã trúng tuyển hoặc đã tốt nghiệp các ngành đào tạo giáo viên trước ngày 07 tháng 5 năm 2020 nếu dự tuyển vào học đại học để đạt trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 72 Luật Giáo dục năm 2019.

4. KHỐI LƯỢNG HỌC TẬP

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học có khối lượng học tập là 125 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

5. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử trình độ Đại học gồm 125 tín chỉ. Trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 24 tín chỉ, có tỉ lệ 19,2%; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 101 tín chỉ, có tỉ lệ 80,8%. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được cấu thành bởi nhóm kiến thức cơ sở ngành (22 tín chỉ: 20 tín chỉ bắt buộc, 02 tín chỉ tự chọn; chiếm 21,8% toàn khối); nhóm kiến thức chuyên ngành (57 tín chỉ: 51 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ tự chọn; chiếm 56,4% toàn khối); nhóm nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm (15 tín chỉ; chiếm 14,9% toàn khối); nhóm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế (07 tín chỉ; chiếm 6,9% toàn khối).

Cụ thể như sau:

Khối kiến thức, tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC và GDQP-AN)		24 tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc</i>	22 tín chỉ
	+ <i>Tự chọn</i>	02 tín chỉ
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		101 tín chỉ
2.1 Kiến thức cơ sở ngành		22 tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc</i>	20 tín chỉ
	+ <i>Tự chọn</i>	2 tín chỉ
2.2. Kiến thức chuyên ngành		57 tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc</i>	51 tín chỉ
	+ <i>Tự chọn</i>	6 tín chỉ
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm		15 tín chỉ
	+ <i>Bắt buộc</i>	15 tín chỉ
	+ <i>Tự chọn</i>	0 tín chỉ
2.4. Khóa luận tốt nghiệp / học phần thay thế		7 tín chỉ
TỔNG SỐ		125 tín chỉ

5.2. Nội dung Chương trình đào tạo

5.2.1. Khung Chương trình đào tạo

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Ghi chú
				Lí thuyết	Bài tập, Thảo luận, Thực hành	Tự học	

STT	Mã số	Học phần	Số	Số giờ tín chỉ			Ghi
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP - AN))			24				
Các học phần bắt buộc			22				
<i>Lí luận chính trị</i>			<i>11</i>				
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	32	26	92	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	18	61	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	18	61	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	18	61	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	18	61	
<i>Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh</i>							
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	1	3	24	23	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	6	48	46	
8	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1		37	8		
9	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2		22	8		
10	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		14	16		
11	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4		4	56		
<i>Ngoại ngữ</i>			<i>7</i>				
12	EN012	Tiếng Anh 1	3	30	30	90	
13	EN013	Tiếng Anh 2	4	30	60	110	
<i>Khoa học Tự nhiên</i>			<i>2</i>				
14	IT014	Tin học đại cương	2	15	30	55	
<i>Khoa học Xã hội - Nhân văn</i>			<i>2</i>				
15	PSY015	Pháp luật đại cương	2	21	18	61	
Các học phần tự chọn (Chọn 01 trong các học phần)			2				
16.1	LIN316.1	Tiếng Việt thực hành	2	15	30	55	
16.2	EDU316.2	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	21	18	61	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			81				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			22				
Các học phần bắt buộc			20				
17	PSE117	Tâm lí học	3	30	30	90	
18	PSE118	Giáo dục học	3	30	30	90	
19	HIS119	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	2	25	10	65	

STT	Mã số	Học phần	Số	Số giờ tín chỉ			Ghi
20	HIS120	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2	25	10	65	
21	HIS121	Cơ sở khảo cổ học	2	25	10	65	
22	CUL122	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	10	65	
23	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới	2	25	10	65	
24	GEO124	Địa lí tự nhiên các châu lục	2	25	10	65	
25	GEO125	Địa lí tự nhiên Việt Nam	2	25	10	65	
Các học phần tự chọn (Chọn 01 trong các học phần)			2				
26.1	AES326.1	Mĩ học đại cương	2	20	20	60	
26.2	PSE326.2	Giao tiếp sư phạm	2	15	30	55	
2.2. Kiến thức ngành			57				
Các học phần bắt buộc			51				
27	HIS227	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	4	50	20	130	
28	HIS228	Lịch sử thế giới cận đại	4	50	20	130	
29	HIS229	Lịch sử thế giới hiện đại	4	50	20	130	
30	HIS230	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	65	20	165	
31	HIS231	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	50	20	130	
32	HIS232	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	65	20	165	
33	HIS233	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	2	25	10	65	
34	HIS234	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	3	30	30	90	
35	HIS235	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3	30	30	90	
36	HIS236	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	2	25	10	65	
37	HIS237	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	25	10	65	
38	HIS238	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	25	10	65	
39	HIS239	Thực tế Lịch sử Việt Nam	1		30	20	
40	HIS240	Lí luận dạy học Lịch sử	2	25	10	65	
41	HIS241	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	25	10	65	
42	HIS242	Hệ thống phương pháp dạy học	3	30	30	90	

STT	Mã số	Học phần	Số	Số giờ tín chỉ			Ghi
		Lịch sử ở trường trung học					
43	HIS243	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	30	30	90	
Các học phần tự chọn			6				
<i>Tự chọn 1: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2				
44.1	HIS344.1	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	2	25	10	65	
44.2	HIS344.2	Làng xã Việt Nam	2	25	10	65	
<i>Tự chọn 2: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2				
45.1	HIS345.1	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)	2	25	10	65	
45.2	HIS345.2	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	25	10	65	
<i>Tự chọn 3: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2				
46.1	HIS346.1	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	2	25	10	65	
46.2	HIS346.2	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	2	25	10	65	
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			15				
47	TMT247	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	15	30	55	
48	HIS248	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	15	30	55	
49	HIS249	Thực hành giảng Lịch sử	3	30	30	90	
50	HIS250	Thực tập 1	2		120		
51	HIS251	Thực tập 2	6		360		
2.4. Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế			7				
Khóa luận tốt nghiệp			7				
52A		Khóa luận tốt nghiệp	7				
Học phần thay thế			7				
Bắt buộc			5				
52B.1	HIS452B.1	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	3	30	30	75	
52B.2	HIS452B.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	25	10	65	
52B.3	HIS452B.3	Bài học Lịch sử ở trường trung	2	15	30	55	

STT	Mã số	Học phần	Số	Số giờ tín chỉ			Ghi
		học					
Tổng cộng			125				

5.2.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng						Năng lực			
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16
Triết học Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	0	0
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 1	2	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục thể chất 2	2	2	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0
Tiếng Anh 1	1	1	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	1	0
Tiếng Anh 2	1	1	0	0	0	0	2	0	3	0	0	0	0	0	1	0
Tin học đại cương	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	2	0	0
Pháp luật đại cương	3	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Tiếng Việt thực hành	0	1	3	3	3	1	2	2	1	2	3	3	3	1	3	2
Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	1	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng						Năng lực			
Tâm lí học	0	3	0	0	0	0	2	3	0	0	0	0	0	2	1	0
Giáo dục học	0	3	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0
Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	0	0	3	3	3	3	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0
Cơ sở khảo cổ học	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	0	0	3	3	3	3	2	2	2	2	0	2	2	2	2	2
Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử văn minh thế giới	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Địa lí tự nhiên các châu lục	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Địa lí tự nhiên Việt Nam	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Mĩ học đại cương	0	1	3	3	3	2	2	3	1	3	3	3	3	0	3	2
Giao tiếp sư phạm	0	3	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0	0	3	3	0
Lịch sử thế giới cổ - trung đại	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử thế giới cận đại	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử thế giới hiện đại	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	2	2	3	3	1	1	3	3	0	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử Việt Nam cận đại	2	1	3	3	1	1	3	3	0	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử Việt Nam hiện đại	1	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	3	3	0	3	2
Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	1	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	3	3	0	3	2
Biên, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	1	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	3	3	0	3	2
Các cuộc cách mạng công nghiệp trong	1	1	3	2	3	1	2	2	0	2	3	3	3	0	3	2

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng						Năng lực			
lịch sử																
Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lịch sử quan hệ quốc tế	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Thực tế Lịch sử Việt Nam	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Lí luận dạy học Lịch sử	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	1	2	3	2	3	2	2	2	1	2	3	3	3	2	3	1
Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	1	2	3	2	3	2	2	2	1	2	3	3	3	2	3	1
Làng xã Việt Nam	1	2	3	2	3	2	2	2	1	2	3	3	3	2	3	1
Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)	1	2	3	2	3	2	2	2	1	2	3	3	3	2	3	1
Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	1	2	3	2	3	2	2	2	1	2	3	3	3	2	3	1
Các phong trào duy tân, cải cách ở Châu Á thế kỉ XIX - XX	2	2	2	3	1	1	3	3	2	3	2	2	3	2	3	2

Học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	Kiến thức						Kĩ năng						Năng lực			
Một số tôn giáo lớn trên thế giới	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	1	1	1
Nghiệp vụ sư phạm 1	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Nghiệp vụ sư phạm 2	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực hành giảng Lịch sử	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập 1	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Thực tập 2	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Khóa luận tốt nghiệp	2	2	3	1	3	3	3	3	2	1	3	2	2	2	1	2
Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	2	2	3	1	3	2	3	2	2	1	3	2	2	2	1	2
Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	2	3	3	1	1	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3
Bài học Lịch sử ở trường trung học	1	2	3	2	3	2	2	2	1	2	3	3	3	2	3	1

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 - Đóng góp thấp; 2 - Đóng góp trung bình; 3 - Đóng góp cao.

(Các học phần trong chương trình đều tham gia đóng góp vào bảng ma trận CDR)

5.2.3. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử trình độ đại học thực hiện trong 04 năm với 08 học kì, trong đó học kì 1 với 16 tín chỉ, học kì 2 là 18 tín chỉ, học kì 3 với 18 tín chỉ, học kì 4 là 14 tín chỉ, học kì 5 với 16 tín chỉ, học kì 6 là 16 tín chỉ, học kì 7 với 14 tín chỉ, học kì 8 là 13 tín chỉ. Cụ thể như sau:

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Kì I			16	
Bắt buộc			14	
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	
2	PE006	Giáo dục thể chất 1	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3	EN012	Tiếng Anh 1	4	
4	PSE117	Tâm lí học	3	
5	HIS119	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	2	
6	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới	2	
Tự chọn			2	
7.1	LIN316.1	Tiếng Việt thực hành	2	
7.2	EDU316.2	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	
Kì II			18	
Bắt buộc			16	
1	PLO002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
2	PE007	Giáo dục thể chất 2	0	
3	IT014	Tin học đại cương	2	
4	PSE118	Giáo dục học	3	
5	GEO125	Địa lí tự nhiên Việt Nam	2	
6	HIS121	Cơ sở khảo cổ học	2	
7	HIS230	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	
Tự chọn			2	
8.1	AES326.1	Mĩ học đại cương	2	
8.2	PSE3326.2	Giao tiếp sư phạm	2	
Kì III			18	
Bắt buộc			18	
1	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
2	PSY015	Pháp luật đại cương	2	
3	EN013	Tiếng Anh 2	3	
4	CUL122	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
5	GEO124	Địa lí tự nhiên các châu lục	2	
6	HIS227	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	4	
7	HIS233	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	2	
8	HIS239	Thực tế Lịch sử Việt Nam	1	
Kì IV			14	
Bắt buộc			14	
1	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
2	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	0	
3	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	0	
4	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	0	
5	ME011	Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	0	
6	HIS228	Lịch sử thế giới cận đại	4	
7	HIS231	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	
8	HIS240	Lí luận dạy học Lịch sử	2	
9	HIS241	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	
Kì V			16	
Bắt buộc			14	
1	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	HIS232	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	
3	HIS236	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	2	
4	HIS242	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	
5	TMT247	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	
Tự chọn			2	
6.1	HIS344.1	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	2	
6.2	HIS344.2	Làng xã Việt Nam	2	
Kì VI			16	
Bắt buộc			14	
1	HIS229	Lịch sử thế giới hiện đại	4	
2	HIS235	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3	
3	HIS120	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2	
4	HIS243	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	
5	HIS250	Thực tập 1	2	
Tự chọn			2	
6.1	HIS345.1	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời	2	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
		thuộc địa (1858 - 1945)		
6.2	HIS345.2	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	2	
Kì VII			14	
Bắt buộc			12	
1	HIS238	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	
2	HIS237	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	
3	HIS234	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	3	
4	HIS248	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	
5	HIS249	Thực hành giảng Lịch sử	3	
Tự chọn			2	
6.1	HIS346.1	Các phong trào duy tân, cải cách ở Châu Á thế kỉ XIX - XX	2	
6.2	HIS346.2	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	2	
Kì VIII			13	
Bắt buộc			13	
1	HIS251	Thực tập 2	6	
2.1		Khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2		Thay thế khóa luận tốt nghiệp	7	
2.2.1	HIS452B.1	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	3	
2.2.2	HIS452B.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	
2.2.3	HIS452B.3	Bài học Lịch sử ở trường trung học	2	

5.2.4. Mô tả học phần

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN (3 tín chỉ)

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học của các ngành học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó sinh viên có được kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các hiện tượng của tự nhiên, xã hội và tư duy trên lập trường duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật, xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng vào việc nhận thức, cải tạo thế

giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN (2 tín chỉ)

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền của chủ nghĩa Mác - Lênin và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần bao gồm các nội dung: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hoá, thị trường và vai trò của chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên phát triển tư duy logic, phương pháp suy luận đồng thời trang bị kiến thức cơ sở quan trọng giúp sinh viên học tốt các học phần chuyên ngành sau này.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề dân tộc và tôn giáo, gia đình trong thời kì quá độ. Học phần bao gồm các nội dung: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH (2 tín chỉ)

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của các môn Lí luận chính trị, đề cập đến các kiến thức cơ bản có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Học phần giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Nội dung học phần gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu học phần.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1 (1 tín chỉ)

Giáo dục thể chất 1 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên không chuyên thuộc chương trình giáo dục thể chất của tất cả chương trình đào tạo hệ đại học. Nội dung gồm lí thuyết môn Thể dục, bài tập đội hình đội ngũ, bài tập phát triển chung tay không.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản môn thể dục, phương pháp tập luyện. Mở rộng nhận thức và hiểu biết, phát triển năng lực tự học, vận dụng trong tập luyện, rèn luyện sức khoẻ hàng ngày. Học phần còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tư thế, tác phong... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập các môn khác.

7. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2 (2 tín chỉ)

(Tự chọn 01 trong 07 học phần: Đá cầu, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật Vovinam, Aerobic, Cầu lông)

Đá cầu

Học phần Đá cầu cung cấp các kiến thức cơ bản về môn Đá cầu. Đây là kiến thức nền tảng để giúp sinh viên tiếp thu các học phần giáp ranh và chuyên ngành thể dục thể thao; có sân chơi hoạt động đầy ý nghĩa, tạo sự kết tinh thần tập thể cao; có lối sống lành mạnh rời xa các tệ nạn xã hội.

Bóng chuyền

Học phần Bóng chuyền trang bị kiến thức về kĩ thuật, chiến thuật, kĩ năng tập luyện và luật thi đấu bóng chuyền. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học giáo dục thể chất cho đối tượng học sinh.

Bóng đá

Học phần Bóng đá cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn Bóng đá, những nguyên lí thực hiện kĩ thuật, luật Bóng đá. Học phần cũng trang bị các kĩ thuật động tác cơ bản, tổ chức hướng dẫn luyện tập môn Bóng đá.

Bóng rổ

Bóng rổ là môn thể thao tự chọn trong chương trình đào tạo giáo dục thể chất không chuyên có nội dung rất đa dạng và phong phú. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức lịch sử phát triển môn Bóng rổ và kỹ thuật cơ bản về di chuyển, chuyền và bắt bóng, dẫn bóng, tại chỗ ném rổ và hai bước lên rổ, một số điều luật phương pháp tổ chức thi đấu môn Bóng rổ.

Võ thuật Vovinam

Võ thuật Vovinam là một môn thể thao cơ bản có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển và đặc điểm của môn võ Vovinam; trang bị kiến thức về kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu thực hành môn Võ thuật Vovinam. Ngoài ra còn có thể lấy học phần làm các bài tập bổ trợ cho các môn thể thao khác.

Aerobic

Học phần Aerobic là học phần tự chọn thuộc chương trình Giáo dục thể chất cho sinh viên đại học thuộc tất cả các chuyên ngành đào tạo. Nội dung học phần bao gồm: lý thuyết Aerobic, kỹ thuật cơ bản Aerobic, bài Aerobic. Học phần giúp sinh viên phát triển thể chất; giáo dục phẩm chất đạo đức, tinh thần tập thể; rèn luyện ý chí, tư thế, tác phong; tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập các học phần khác.

Cầu lông

Cầu lông là học phần trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản, giảng dạy các kỹ thuật, chiến thuật cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn cầu lông. Ngoài ra, học phần còn thông qua quá trình tập luyện để rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tính tự giác tích cực; phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền và khả năng phối hợp động tác, tăng cường sức khỏe, tính linh hoạt bổ trợ cho công việc học tập và giúp sinh viên có thể tự tin tham gia các hoạt động khi nhà trường tổ chức giải thi đấu môn Cầu lông cho sinh viên.

8. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 1 (45 tiết)

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh gồm: Những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, an ninh nhân dân; về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

9. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 2 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu những vấn đề cơ bản có tính nguyên tắc về nhiệm vụ, nội dung công tác quốc phòng, an ninh của Đảng ta hiện nay bao gồm: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật

quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao; đánh bại chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề về dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

10. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 3 (30 tiết)

Học phần nghiên cứu các kiến thức, kỹ năng chiến thuật, kỹ thuật quân sự cần thiết như: kiến thức cơ bản về bản đồ địa hình quân sự, một số phương tiện chỉ huy và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPD, RPK, B40, B41; tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; hiểu biết về phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; hiểu biết và xử lý các vết thương chiến tranh; thực hành rèn luyện đội ngũ từng người và đơn vị; thực hành sử dụng vũ khí bộ binh và chiến thuật tiến công, phòng ngự từng người.

11. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 4 (60 tiết)

Học phần nghiên cứu về quân binh chủng, cụ thể là tổ chức lực lượng trong các quân binh chủng - công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội và công an; lịch sử truyền thống quân binh chủng - lịch sử truyền thống của quân đội và công an; đồng thời tham quan các học viện, đơn vị, bảo tàng.

12. TIẾNG ANH 1 (3 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thám hiểm để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

13. TIẾNG ANH 2 (4 tín chỉ)

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có to, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Những kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một vài

quốc gia trên thế giới. Đồng thời, học phần này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày. Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MYELT và lớp học ảo, sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

14. TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Tin học đại cương thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về: Cấu trúc chung của máy tính, xử lý lỗi cơ bản của máy tính, hệ điều hành; Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word; Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel; Thao tác với slide, định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide, tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint; Mạng máy tính và an toàn thông tin, một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

15. PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần Pháp luật đại cương là môn khoa học pháp lý cơ sở, cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật và đề cập tới một số ngành luật cơ bản của Việt Nam hiện nay nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về nhà nước, pháp luật nói chung và nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Học phần Pháp luật đại cương bao gồm 6 chương. Chương 1,2 là các vấn đề cơ bản về nhà nước, pháp luật. Chương 3,4,5 là những nội dung cơ bản về pháp luật chuyên ngành như Luật Hành chính Việt Nam; Luật Dân sự Việt Nam; Luật Hình sự Việt Nam. Chương 6 là pháp luật về phòng chống tham nhũng.

16.1. TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiếng Việt (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản), những nguyên tắc sử dụng tiếng Việt, rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong khi nói và viết (kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng viết đoạn văn, kỹ năng viết câu trong văn bản, kỹ năng dùng từ, kỹ năng sử dụng chữ viết...).

16.2. QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NN VÀ QUẢN LÝ NGÀNH GDĐT (2 tín chỉ)

Học phần Quản lý hành chính NN và quản lý ngành GDĐT là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước (tính chất, nội dung, phương pháp, luật,...); quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo (tính chất, đặc điểm, nguyên tắc, nội dung, bộ máy quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo; đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục và đào tạo). Trên cơ sở đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho

sinh viên trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân, trong việc giáo dục học sinh ở trường phổ thông.

17. TÂM LÝ HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức cơ bản về tâm lý: Bản chất, quá trình nảy sinh, quy luật hình thành và phát triển của các hiện tượng tâm lý; mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý, chức năng vai trò của tâm lý đối với hoạt động của con người; giúp sinh viên hiểu bản chất và quy luật của sự phát triển con người trong quá trình phát triển cá thể, từ đó vận dụng vào công tác tham vấn, giáo dục học sinh ở phổ thông. Học phần còn trang bị cho người học những tri thức tâm lý về sự phát triển tâm lý, quy luật phát triển tâm lý ở con người và các đặc điểm tâm lý điển hình, đặc trưng ở các giai đoạn lứa tuổi nhằm mục đích mô tả một cách khái quát nhất chân dung tâm lý của con người ở từng giai đoạn lứa tuổi cũng như ứng dụng những tri thức đó để quá trình giáo dục, dạy học được tổ chức phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

18. GIÁO DỤC HỌC (3 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học những tri thức khoa học và các khái niệm cơ bản của giáo dục học; vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội; chiến lược phát triển giáo dục và việc tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân. Sinh viên hiểu được bản chất của quá trình dạy học. Học phần tạo điều kiện cho sinh viên vận dụng các nguyên tắc dạy học, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học trong tổ chức quá trình dạy học. Học phần cung cấp cho người học hiểu biết bản chất của quá trình giáo dục nghĩa hẹp, động lực căn bản trong phát triển toàn diện nhân cách con người. Trên cơ sở các nguyên tắc, phương pháp giáo dục, sinh viên có khả năng giải quyết các tình huống sư phạm. Từ đó góp phần hình thành phẩm chất yêu trẻ yêu nghề, thế giới quan khoa học, năng lực sư phạm như tổng hợp, phân tích tài liệu, thuyết trình, năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện dạy học...

19. NHẬP MÔN SỬ HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN SỬ HỌC (2 tín chỉ)

Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề: những nội dung cơ bản của khái niệm lịch sử, sử học và khoa học lịch sử, xác định rõ đối tượng nghiên cứu chức năng nhiệm vụ và vai trò của sử học. Nhập môn sử học trang bị những kiến thức cơ bản về các ngành (phân môn) của khoa học lịch sử và mối liên hệ giữa khoa học lịch sử và các khoa học khác. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về việc phân kỳ lịch sử, quan điểm và sự phát triển của lịch sử. Đây là học phần tiên quyết, cơ sở cho các học phần nghiệp vụ của cử nhân sư phạm Lịch sử.

20. CÁC DÂN TỘC VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC Ở VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử; cung cấp cho người học những kiến thức về nguồn gốc lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của các dân tộc ít người ở Việt: nhóm văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á, văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái, văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo, văn hóa các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo. Qua đó, người học sẽ có được một cách nhìn khái quát chung nhất về bức tranh chung của lịch sử văn hóa dân tộc Việt Nam.

21. CƠ SỞ KHẢO CỔ HỌC (2 tín chỉ)

Đây là học phần cơ sở của ngành Lịch sử cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và sự tiến hóa văn hóa nhân loại qua các thời đại từ đá cũ đến giai đoạn hình thành nhà nước. Đặc thù của khoa học khảo cổ là phục dựng lại đời sống của con người trong quá khứ thông qua việc nghiên cứu sử liệu vật thật trong bối cảnh tự nhiên và văn hóa. Từ những nghiên cứu này, Lịch sử nhân loại được trình bày trước hết qua cách thức tiếp cận từ những di tích, di vật thực “mắt thấy, tai nghe” sẽ giúp sinh viên hình dung rõ hơn về cuộc sống của dân tộc và nhân loại từ khởi đầu cho tới thời cận đại. Học phần chú trọng tới việc cập nhật tri thức và những diễn giải mới về nguồn gốc và sự tiến hóa nhân loại nhằm làm nổi bật luận điểm về tính thống nhất và sự phát triển đa dạng của văn hóa người cũng như nhấn mạnh vai trò của các di sản vật thể và phi vật thể trong đời sống nhân loại hiện nay. Bên cạnh việc cung cấp tri thức cụ thể về giai đoạn văn hóa, từng nền văn hóa, từng di tích, di vật, học phần còn giúp sinh viên làm quen với một ngành khoa học, những phương pháp và cách thức tiếp cận, nghiên cứu vấn đề, kể cả những phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại và mối quan hệ của khoa học khảo cổ với các khoa học xã hội, nhân văn và kỹ thuật khác. Trong học phần này thông qua một số phần cụ thể, công việc của một nhà khảo cổ từ điền dã đến nghiên cứu hậu khai quật cũng sẽ được giới thiệu nhằm mục đích cho thấy đây là một ngành khoa học luôn cố gắng đạt tới kết quả khái quát và khách quan cao nhất trong diễn giải quá khứ.

22. CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này người học được trang bị các kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới văn hóa (Văn hóa học, Văn vật, Văn hiến, Cấu trúc và Thiết chế văn hóa), các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa và quá trình tiếp xúc, giao lưu văn hóa. Đồng thời, hệ thống kiến thức diễn tiến lịch sử của nền văn hóa Việt Nam từ thời tiền sử cho đến ngày nay. Trên cơ sở đó, người học tìm hiểu rõ hơn về không gian văn hóa Việt Nam qua các vùng văn hóa đặc trưng.

23. LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Lịch sử văn minh thế giới là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày một số nền văn minh tiêu biểu như (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà; (3) văn minh Trung Hoa; (4) văn minh Ấn Độ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hi Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỉ XX. Bên cạnh đó, góp phần giúp sinh viên rút ra được quy luật phát triển, suy vong của các đế chế, nền văn minh trong lịch sử. Trên cơ sở đó, sinh viên biết trân trọng những giá trị trường tồn của các di sản văn minh trong lịch sử nhân loại...

24. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CÁC CHÂU LỤC (2 tín chỉ)

Là một học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Sau khi hoàn thành học phần này người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên các châu lục và phân vùng tự nhiên. Điều này giúp người học hiểu được đặc điểm tự nhiên và xác định được những tiềm năng/ cơ hội - hạn chế/ thách thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên theo các mùa trong năm, theo từng vùng/ miền của người dân các châu lục từ xưa đến nay trong sản xuất, sinh hoạt.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cho việc tiếp cận, nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử bậc trung học cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

25. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Là một học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử. Sau khi hoàn thành học phần này người học được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về đặc điểm các thành phần tự nhiên Việt Nam và phân vùng tự nhiên. Điều này giúp người học hiểu được đặc điểm tự nhiên và xác định được những tiềm năng/ cơ hội - hạn chế/ thách thức về môi trường, tài nguyên thiên nhiên theo các mùa trong năm, theo từng vùng/ miền của người dân Việt Nam từ xưa đến nay trong sản xuất, sinh hoạt.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với các học phần khác thuộc khối kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản cho việc tiếp cận, nghiên cứu, giảng dạy môn Lịch sử bậc trung học cho sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông hiện nay.

26.1. MĨ HỌC ĐẠI CƯƠNG (2 tín chỉ)

Học phần giúp người học hiểu rõ đối tượng nghiên cứu, ý nghĩa của Mĩ học; về mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với hiện thực; về các phạm trù của khách thể

thẩm mỹ gồm cái Đẹp, cái Cao cả, cái Bi và cái Hài; về ý thức thẩm mỹ với các bộ phận hợp thành chủ yếu của nó gồm nhu cầu, cảm xúc, thị hiếu và lí tưởng thẩm mỹ; nghệ thuật - hình thái cao nhất, biểu hiện tập trung nhất của mối quan hệ thẩm mỹ; giáo dục thẩm mỹ và các hình thức cơ bản của giáo dục thẩm mỹ.

26.2. GIAO TIẾP SỰ PHẠM (2 tín chỉ)

Học phần Giao tiếp sự phạm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sự phạm như các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kĩ năng giao tiếp sự phạm, quy tắc ứng xử trong trường học. Từ đó hình thành ở người học những kĩ năng, thái độ tương ứng để xử lí có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp.

27. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỔ - TRUNG ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử Thế giới cổ trung đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về Lịch sử Thế giới cổ trung đại từ thời kì xã hội nguyên thủy cho đến khi kết thúc xã hội phong kiến, thông qua việc trình bày các quốc gia, khu vực tiêu biểu, theo trình tự thời gian bao gồm: (1) Xã hội nguyên thủy; (2) Ai Cập cổ đại; (3) Lưỡng Hà cổ đại; (4) Ấn Độ cổ đại; (5) Trung Quốc cổ đại; (6) Hi Lạp cổ đại; (7) La Mã cổ đại; (8) Trung Quốc trung đại; (9) Ấn Độ trung đại; (10) Nhật Bản trung đại; (11) Tây Âu sơ kì trung đại; (12) Tây Âu trung kì trung đại; (13) Tây Âu mạt kì trung đại... Bên cạnh đó, sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể tự rút ra được các quy luật vận động, phát triển của lịch sử nhân loại, của các nền văn minh.

28. LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử thế giới cận đại là học phần bắt buộc, tiếp nối của học phần Lịch sử thế giới cổ trung đại, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về tiến trình phát triển của lịch sử thế giới cận đại (từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX) ở cả phương Đông và phương Tây. Trong đó, nội dung trọng tâm tập trung vào: Các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại; Cách mạng công nghiệp, sự chuyển biến của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX; Quan hệ quốc tế thời cận đại; Quá trình xâm lược, chính sách cai trị và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước Á, Phi, Mĩ Latinh. Trên cơ sở kiến thức trên, sinh viên có thể vận dụng đánh giá vai trò, tác động của các sự kiện trên đến tiến trình phát triển của lịch sử thế giới. Từ đó, lí giải và dự đoán được sự vận động và phát triển của lịch sử thời hiện đại.

29. LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử thế giới hiện đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới hiện đại từ năm 1917 đến những năm đầu thế kỉ XXI. Bao gồm: Các vấn đề về Cách mạng tháng Mười Nga và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu cho đến khi sụp đổ năm 1991; Quan hệ quốc tế và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Các nước Á, Phi và Mĩ Latinh từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến những năm đầu thế kỉ XXI; Cách mạng khoa học kĩ thuật thời hiện đại. Trên cơ sở các kiến thức trên, học sinh biết vận dụng để giải thích các sự kiện nổi bật trên cơ sở thế giới quan khoa học: nguyên nhân sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai, nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh, sự hình thành và sụp đổ của trật tự hai cực Ianta... Dự đoán xu thế vận động và phát triển của lịch sử thế hiện qua một số kịch bản: Chủ nghĩa xã hội; Chủ nghĩa tư bản; Sự thay đổi về tương quan lực lượng trong quan hệ quốc tế...

30. LỊCH SỬ VIỆT NAM CỔ - TRUNG ĐẠI (5 tín chỉ)

Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) trên nhiều phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Trên cơ sở hiểu được những kiến thức cơ bản đó, sinh viên nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại.

Học phần cung cấp nền tảng kiến thức để người học tiếp tục học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc như: Lịch sử Việt Nam cận đại, Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam, Biên, đảo Việt Nam trong lịch sử (từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI), Lịch sử ngoại giao Việt Nam và các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam, Làng xã Việt Nam, Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

31. LỊCH SỬ VIỆT NAM CẬN ĐẠI (4 tín chỉ)

Lịch sử Việt Nam cận đại là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, sâu rộng về lịch sử Việt Nam cận đại từ khi thực dân Pháp xâm lược (1858) đến Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời (1945) trên tất cả các phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa. Trên cơ sở nắm được những kiến thức cơ bản

đó, sinh viên nhận diện và đánh giá được những nội dung nổi bật của lịch sử Việt Nam cận đại (1858 - 1945).

32. LỊCH SỬ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (5 tín chỉ)

Là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về lịch sử Việt Nam thời kì hiện đại giai đoạn từ 1945 đến nay. Nội dung cơ bản ở giai đoạn này là: Nước Việt Nam xây dựng và bảo vệ chế độ cộng hòa; Hoạt động ngoại giao nâng cao vị thế của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp; Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện hòa bình, thống nhất đất nước (1954 - 1975); Cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc thời kì trước và sau đổi mới... Các vấn đề trên sẽ được trình theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kì, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

Học phần Lịch sử Việt Nam hiện đại giúp người học có cơ sở nền tảng để tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu những chuyên đề chuyên sâu của Lịch sử Việt Nam giai đoạn hiện đại.

33. VƯƠNG QUỐC CỔ CHĂM-PA VÀ PHÙ NAM (2 tín chỉ)

Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vương quốc Chăm-pa, vương quốc Phù Nam trên các lĩnh vực: Lịch sử hình thành và phát triển; Đặc điểm chính trị, xã hội, kinh tế và thành tựu văn hóa. Bên cạnh đó, học phần sẽ giúp sinh viên hiểu rõ hơn vị trí của hai vương quốc trong lịch sử Việt Nam thời kì cổ trung đại. Từ đó, sinh viên hiểu được những giá trị lịch sử, văn hóa và quá trình mở rộng lãnh thổ của dân tộc Việt Nam.

34. BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ (TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XXI) (3 tín chỉ)

Biển đảo Việt Nam trong lịch sử là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về vị trí địa lí, tiềm năng, hệ thống các đảo và quần đảo của biển Đông; quá trình xác lập và thực thi các quyền hợp pháp trong các vùng biển, đảo của Việt Nam từ thế kỉ X đến nay; thực trạng chiếm đóng, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam; quan điểm của Nhà nước CHXHCN Việt Nam

về vấn đề biển đảo. Việc khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam sẽ giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về lãnh thổ, biên giới quốc gia. Đồng thời, qua đó khẳng định được ý thức bảo vệ chủ quyền, lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ biển đảo Việt Nam trong bối cảnh phức tạp như hiện nay.

35. CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ (3 tín chỉ)

Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về các cuộc cách mạng công nghiệp đã diễn ra trong lịch sử: Nguyên nhân dẫn đến các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận - hiện đại; Những thành tựu và hệ quả của các cuộc cách mạng công nghiệp này đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Trên cơ sở đó giúp sinh viên biết trân trọng những thành quả của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử, nhận thức được những tác động hai mặt của các cuộc cách mạng công nghiệp và biết vận dụng những tác động hai mặt này để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên mạng xã hội, internet... Học phần Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần bắt buộc của Lịch sử thế giới cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về nguyên nhân dẫn đến sự hình thành các cuộc cách mạng.

36. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LỊCH SỬ ĐÔNG NAM Á CỔ - TRUNG ĐẠI (2 tín chỉ)

Lịch sử Đông Nam Á là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử.

Sau khi học xong học phần, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản đối với toàn bộ các vấn đề nổi bật của lịch sử Đông Nam Á, từ các khía cạnh điều kiện tự nhiên, sinh thái, nhân văn giai đoạn tiền, sơ sử đến quá trình hội nhập, phát triển của Đông Nam Á giai đoạn hiện đại. Đặc biệt, sinh viên rút ra được những đặc điểm, quy luật vận động, phát triển của lịch sử khu vực trong mối tương tác với lịch sử Việt Nam trong quá khứ, hiện tại, tương lai.

37. LỊCH SỬ NGOẠI GIAO VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Lịch sử ngoại giao Việt Nam là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò của ngoại giao cũng như những sự kiện, nhân vật ngoại giao Việt Nam từ khi Nhà nước phong kiến độc lập ra đời cho đến năm 2000. Trên cơ sở đó người học sẽ hiểu được bản chất của ngoại giao.

Học phần này có quan hệ mật thiết với các học phần Lịch sử Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, cung cấp những kiến thức chuyên sâu về một khía cạnh của lịch sử Việt Nam.

38. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ (2 tín chỉ)

Lịch sử quan hệ quốc tế là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về lí luận và sự biến động của quan hệ quốc tế bao gồm: hệ thống lí luận và các lí thuyết nghiên cứu quan hệ quốc tế; quá trình hình thành và phát triển quan hệ quốc tế qua các thời kì lịch sử. Học phần Lịch sử quan hệ quốc tế có mối liên hệ chặt chẽ với các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới cổ trung đại, cận đại và hiện đại khi giúp người học hiểu sâu sắc về mối quan hệ giữa các quốc gia trải qua nhiều thời kì lịch sử khác nhau.

39. THỰC TẾ LỊCH SỬ VIỆT NAM (1 tín chỉ)

Học phần Thực tế lịch sử Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm các nội dung sau:

- Thực tế chuyên môn lịch sử Việt Nam cổ - trung đại: thông qua các hoạt động thực tế tại: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Di tích Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình), Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Bảo tàng Chăm (Thành phố Đà Nẵng);

- Thực tế chuyên môn Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại: Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Di tích Pác Bó (Cao Bằng), Di tích An Toàn Khu - ATK (Định Hóa, Thái Nguyên), Di tích Tân Trào (Tuyên Quang), Di tích Thành cổ Quảng Trị, Địa đạo Vĩnh Mốc (Quảng Trị), Nghĩa trang Trường Sơn, Ngã ba Đồng Lộc, Cố đô Huế.

Học phần giúp người học có những trải nghiệm thực tế, qua đó nắm vững và khắc sâu kiến thức chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

40. LÍ LUẬN DẠY HỌC LỊCH SỬ (2 tín chỉ)

Lí luận dạy học Lịch sử là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề: Nhận thức được các khái niệm cơ bản; Trình bày được nguyên tắc xây dựng chương trình và những nội dung cơ bản của chương trình môn Lịch sử ở trường trung học hiện nay; Mục tiêu môn Lịch sử ở trường phổ thông; Vai trò và cấu tạo của sách giáo khoa Lịch sử hiện hành; Chức năng giáo dục của bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông; Các biện pháp hình thành tri thức lịch sử cho học sinh; Nội dung và biện pháp sư phạm phát triển năng lực nhận thức và thực hành trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

Mối quan hệ với các học phần khác: Học phần Lí luận dạy học Lịch sử là cơ sở, tiền đề để sinh viên tiếp cận hệ thống các phương pháp dạy học Lịch sử và các hình thức kiểm tra đánh giá.

41. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC LỊCH SỬ VÀ GIÁO DỤC LỊCH SỬ (2 tín chỉ)

Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần được thiết kế với thời lượng 2 tín chỉ và nhằm mục đích cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản, bước đầu thực hiện các loại hình nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục như bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp, báo cáo khoa học, bài báo khoa học. Học phần sẽ được thực hiện dưới hình thức đan xen các phần lí thuyết và thực hành, trong đó hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời lượng học phần và dưới các hình thức khác nhau như cá nhân, nhóm, seminar...

42. HỆ THỐNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (3 tín chỉ)

Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị kiến thức trọng tâm về: Hệ thống khái niệm và quy trình triển khai các phương pháp khác nhau trong dạy học Lịch sử ở trường trung học; Các yếu tố chi phối việc lựa chọn và sử dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc trưng học phần; Các biện pháp hướng dẫn học sinh phương pháp học môn Lịch sử. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, học phần giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt để rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, học phần tập trung vào phần thực hành: thực hành dạy học sử dụng hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

43. CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (3 tín chỉ)

Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học là một học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Học phần đề cập trọng tâm tới các vấn đề: Hệ thống khái niệm, quy trình triển khai và vị trí, vai trò của các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học (dạy

học trên lớp, dạy học ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa); Các tiêu chí phân loại và đặc điểm của từng loại bài học trong môn Lịch sử; Các biện pháp hướng dẫn học sinh học môn Lịch sử phù hợp với loại bài. Ngoài ra, trên cơ sở những kiến thức được cập nhật thường xuyên, học phần giúp sinh viên tiếp cận với những quan điểm dạy học hiện đại, những phương pháp dạy học tích cực phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục hiện nay. Đặc biệt đề rèn luyện những kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, học phần tập trung vào phần thực hành: tổ chức triển khai bài học Lịch sử ở trên lớp, ngoài lớp và hoạt động ngoại khóa cho học sinh ở trường trung học (có sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật hiện đại); đánh giá cải tiến phát triển chuyên môn của người giáo viên.

44.1. CHẾ ĐỘ RUỘNG ĐẤT TRONG LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI (2 tín chỉ)

Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên sẽ có được những kiến thức cơ bản về chính sách ruộng đất của các chính quyền Nhà nước và tình hình ruộng đất ở Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước đầu tiên, thời kỳ Bắc thuộc, thời kỳ phong kiến độc lập. Những kiến thức đó giúp người học nắm rõ và lý giải được nhiều nội dung, vấn đề của lịch sử; hiểu biết sâu sắc hơn về diễn tiến của các hình thái kinh tế - xã hội; đồng thời là cơ sở khoa học góp phần giải quyết những vấn đề về ruộng đất, nông dân, nông nghiệp hiện nay.

Học phần là sự cụ thể hóa kiến thức về chính sách phát triển kinh tế của các triều đại phong kiến Việt Nam trong môn Lịch sử Việt Nam cổ trung đại.

44.2. LÀNG XÃ VIỆT NAM (2 tín chỉ)

Làng xã Việt Nam là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần này, người học được trang bị những kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan tới làng xã, quá trình hình thành và biến đổi của làng xã Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại. Thông qua đó, người học hiểu được các đặc trưng cơ bản nhất về kết cấu kinh tế, tổ chức xã hội và đời sống văn hóa của làng xã Việt Nam cũng như thấy được mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa lịch sử của làng xã với lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Học phần cũng có mối liên hệ gắn gũi, bổ trợ kiến thức qua lại cho các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn như: Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam, Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945), Tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam.

45.1. CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM THỜI THUỘC ĐỊA (1858 - 1945) (2 tín chỉ)

Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945) là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và toàn diện về sự biến đổi của cơ cấu kinh tế - xã hội của Việt Nam thời cận đại (1858 - 1945). Học phần này chủ yếu tập trung giúp người học nhận thức một số vấn đề cơ bản: Những yếu tố tác động đến biến đổi kinh tế - xã hội Việt Nam; Khái quát quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế trên các khía cạnh chủ yếu là cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật; Khái quát quá trình biến đổi cơ cấu xã hội trên phương diện chính là cơ cấu giai cấp. Trên cơ sở đó, người học đánh giá sự biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam (1858 - 1945) đối với lịch sử cận đại Việt Nam nói chung.

45.2. CÁC KHUYNH HƯỚNG TƯ TƯỞNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC Ở VIỆT NAM THỜI CẬN ĐẠI (2 tín chỉ)

Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại là một học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học được trang bị kiến thức về ba khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại gồm khuynh hướng phong kiến, khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng vô sản. Trên cơ sở đó giúp người học có những nhận thức đúng đắn về đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như công lao của Đảng đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Học phần này có quan hệ chặt chẽ với học phần Lịch sử Việt Nam cận đại, là sự cụ thể hóa và sâu chuỗi nội dung kiến thức theo mạch vấn đề.

46.1. CÁC PHONG TRÀO DUY TÂN, CẢI CÁCH Ở CHÂU Á THẾ KỈ XIX - XX (2 tín chỉ)

Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học sẽ được trang bị những kiến thức lí luận và thực tiễn về các phong trào duy tân cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX bao gồm: Hệ thống khái niệm; Hoàn cảnh lịch sử đã làm nảy sinh các yêu cầu cải cách; Nội dung, kết quả, ý nghĩa, tác động của các phong trào duy tân, cải cách. Từ đó, người học sẽ rút ra những kinh nghiệm, bài học cho công cuộc cải cách, đổi mới đang tiến hành ở Việt Nam và sự phát triển bản thân. Học phần giúp cho người học hiểu sâu sắc hơn nội dung của các học phần lịch sử thế giới thời kì cận đại và hiện đại.

46.2. MỘT SỐ TÔN GIÁO LỚN TRÊN THẾ GIỚI (2 tín chỉ)

Một số tôn giáo lớn trên thế giới là một học phần tự chọn trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử.

Sau khi hoàn thành học phần, người học không chỉ được trang bị những kiến thức lí luận về tôn giáo mà còn có được sự hiểu biết toàn diện về sự ra đời và phát triển của ba tôn giáo lớn trên thế giới hiện nay là Kitô giáo, Phật giáo và Hồi giáo. Đặc biệt, người học sẽ đánh giá được về vai trò, xu thế trong đời sống tôn giáo của Việt Nam và thế giới hiện nay. Học phần tập trung vào một lĩnh vực cụ thể của lịch sử là tôn giáo nên sẽ giúp cho người học có sự hiểu biết sâu sắc hơn về nội dung trong các học phần bắt buộc của lịch sử thế giới từ cổ trung đại đến cận, hiện đại.

47. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho người học hệ thống những hiểu biết về người giáo viên phổ thông như: vai trò, vị trí, đặc trưng, tính chất, phẩm chất, đạo đức nghề, năng lực, chuẩn nghề nghiệp giáo viên; đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành rèn luyện những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt vai trò người giáo viên phổ thông như: kĩ năng giao tiếp sư phạm, kĩ năng tổ chức và kết nối các lực lượng trong tổ chức các hoạt động cộng đồng, kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, giải quyết vấn đề, kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm lớp, kĩ năng tổ chức hướng dẫn thực hiện nghi thức Đội và các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh; trang bị cho người học các phương pháp tổ chức quá trình dạy học, giáo dục học sinh, phương pháp giải quyết các tình huống xảy ra trong hoạt động sư phạm, gắn lí luận với thực tiễn... Trên cơ sở đó, học phần góp phần bồi dưỡng thái độ nghiệp vụ cần thiết của người giáo viên như: yêu trẻ, yêu nghề, linh hoạt, sáng tạo trong các tình huống giao tiếp sư phạm, trong xử lí tình huống sư phạm...

48. NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM 2 (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho người học hệ thống những kiến thức và tổ chức thực hành rèn những kĩ năng cơ bản của người giáo viên nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ dạy học trong nhà trường, bao gồm kĩ năng xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch bài học, kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học, kĩ năng tổ chức quản lí lớp học, kĩ năng kiểm tra đánh giá học sinh. Đồng thời học phần là cơ hội để sinh viên thực hành thuyết trình, viết bảng, xây dựng môi trường học tập. Góp phần bồi dưỡng thái độ nghề nghiệp cần thiết của người giáo viên, như: yêu trẻ, yêu nghề, sự linh hoạt, sáng tạo và kỉ luật trong tổ chức hoạt động dạy học...

49. THỰC HÀNH GIẢNG LỊCH SỬ (3 tín chỉ)

Học phần hướng dẫn sinh viên thực hành rèn luyện và phát triển các kĩ năng giảng dạy cần thiết gắn với các chủ đề/ bài học trong chương trình/ SGK môn Lịch sử ở trường trung học. Mỗi sinh viên được thực hành từng kĩ năng cơ bản (trong thời gian

30-45'). Sau khi tập giảng sẽ nhận được sự nhận xét, góp ý, đánh giá của các sinh viên trong lớp cùng giáo viên hướng dẫn về kiến thức, phương pháp giảng dạy, khả năng quản lí lớp học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

50. THỰC TẬP SỰ PHẠM 1 (2 tín chỉ)

Học phần nhằm gắn lí thuyết với thực hành, lí luận với thực tiễn trong quá trình đào tạo giáo viên, gắn chặt hơn nữa nơi đào tạo và nơi sử dụng giáo viên. Cũng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng đã được học trong các lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy và giáo dục học sinh.

51. THỰC TẬP SỰ PHẠM 2 (6 tín chỉ)

Học phần nhằm củng cố và nâng cao các kiến thức lí thuyết Tâm lí - Giáo dục, vận dụng những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; thực hành và vận dụng sáng tạo các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Lịch sử, tiếp tục rèn luyện để hình thành năng lực và phẩm chất của người giáo viên, theo yêu cầu của các chương trình khung đào tạo giáo viên trình độ đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

52A. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP (7 tín chỉ)

Trong học kì cuối, sinh viên thực hiện nghiên cứu một đề tài nhỏ dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Tiến hành làm Khóa luận tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên có những kĩ năng nghiên cứu khoa học, có thời gian tìm hiểu, nghiên cứu tài liệu nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ thay thế cho kết quả thi tốt nghiệp của sinh viên.

52B.1. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (3 tín chỉ)

Kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông theo hướng định hướng phát triển năng lực là học phân cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng của đánh giá năng lực trong giáo dục nói chung và trong hoạt động dạy - học nói riêng, đồng thời rèn luyện cho sinh viên kĩ năng xác định mục tiêu của học phân, bài học; xây dựng các tiêu chí đánh giá năng lực... làm cơ sở cho việc xây dựng một quy trình đánh giá kết quả học tập học phần một cách khách quan, khoa học và công bằng. Quy trình này giúp giáo viên và học sinh không những đánh giá, tự đánh giá kết quả của quá trình dạy học mà còn giúp thu thập các thông tin phản hồi hữu ích, giúp điều chỉnh quá trình dạy học để đạt mục tiêu dạy học phát triển năng lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, học phần tạo cơ hội cho sinh viên được thực hành các phương pháp, kĩ thuật kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực.

Học phần có mối quan hệ với các học phần thuộc khối ngành nghiệp vụ như: Lí luận dạy học Lịch sử; Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường phổ thông.

52B.2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC (2 tín chỉ)

Học phần Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử là học phần xương sống mang tính dẫn đường, cung cấp những kiến thức lí luận và thực tiễn về công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử.

Cụ thể, học phần cung cấp những kiến thức liên quan đến: Kỹ thuật triển khai dạy học hiệu quả (giới thiệu một số phương pháp dạy học hiện hành); Lập kế hoạch học phần, thiết kế bài giảng, soạn giáo án; Quan điểm, định hướng về công nghệ, phương tiện trong quá trình dạy học, một số ứng dụng công nghệ cụ thể trong dạy học.

52B.3. BÀI HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (2 tín chỉ)

Học phần góp phần củng cố và nâng cao nhận thức những vấn đề lí luận cơ bản về bài học Lịch sử (Khái niệm về bài học Lịch sử; cấu trúc bài học) cho sinh viên. Đồng thời giúp cho sinh viên nắm được thực tiễn dạy học Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay. Từ đó đi sâu nghiên cứu để hiểu sâu sắc khái niệm hiệu quả bài học Lịch sử và những biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả bài học Lịch sử (Lựa chọn nội dung khoa học, vừa sức học sinh; phát triển hoạt động nhận thức độc lập của học sinh, đặc biệt là tư duy độc lập; trình bày hình ảnh và gây xúc cảm lịch sử cho học sinh trong bài giảng của giáo viên;...). Trên cơ sở nắm vững những kiến thức cơ bản đó, người học vận dụng vào dạy học các bài Lịch sử cụ thể.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ KHOA HỌC ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo hiện nay của Nhà trường

1.1. Đội ngũ giảng viên

Nhà trường có đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học là những người có trình độ chuyên môn cao, đã trưởng thành qua thực tế và có nhiều năm kinh nghiệm, có thâm niên giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng và tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, đào tạo, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

Trước hết là các giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên mở ngành:

- Có 01 Tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, chuyên ngành Lịch sử.

- Có ít nhất 05 Tiến sĩ có chuyên môn phù hợp là giảng viên cơ hữu để chủ trì giảng dạy chương trình, trong đó mỗi thành phần của chương trình đều có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy:

+ TS. Tạ Thị Thúy Ngân, chuyên ngành Khoa học Giáo dục Lí luận chính trị: Chủ trì giảng dạy khối kiến thức Giáo dục đại cương;

+ TS. Đồng Thị Yến, chuyên ngành Tâm lí học: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Nguyễn Thị Phượng, chuyên ngành Ngôn ngữ học: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, chuyên ngành Lịch sử: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Chuyên ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Nguyễn Thị Tím Huế, chuyên ngành Khoa học giáo dục: Chủ trì giảng dạy nhóm kiến thức Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp;

+ TS. Đàm Văn Bắc, chuyên ngành Địa lí: Chủ trì thực hiện nội dung Nghiên cứu khoa học (Khóa luận tốt nghiệp) trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp.

**Bảng 4.1. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu đứng tên
mở ngành Sư phạm Lịch sử**

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)
1	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, 1979, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Lịch sử	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 12 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo
2	TS. Tạ Thị Thúy Ngân, 1972, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 12 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 03 sách chuyên khảo
3	TS. Đồng Thị Yến, 1988, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lí học		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 09 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo
4	TS. Nguyễn Thị Phượng, 1983, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 03 sách chuyên khảo
5	TS. Nguyễn Thị Tím Huế, 1979, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo
6	TS. Đàm Văn Bắc, 1969, Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Địa lí	2018, Đại học Hải Phòng	17 đề tài NCKH cấp cơ sở, 08 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo

Tiếp đến là đội ngũ tham gia giảng dạy ngành Sư phạm Lịch sử gồm 40 người với 15 Tiến sĩ, 25 Thạc sĩ.

Bảng 4.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
1	TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa, 1979, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Lịch sử	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 12 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học; Lịch sử thế giới cổ trung đại; Lịch sử thế giới cận đại; Lịch sử thế giới hiện đại; Lịch sử Việt Nam cổ trung đại, Lịch sử Việt Nam cận đại, Vương quốc cổ Chăm - pa và Phù Nam; Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử; Lí luận dạy học lịch sử; Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á; Một số tôn giáo trên thế giới; Thực hành giảng dạy; Bài học Lịch sử ở trường phổ thông; Khóa luận tốt nghiệp
2	TS. Tạ Thị	Tiến	Khoa	2018,	06 đề tài	Kinh tế chính trị

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	Thúy Ngân, 1972, Giảng viên cao cấp	sĩ, Việt Nam, 2015	học Giáo dục Lí luận Chính trị	Đại học Hải Phòng	NCKH cấp cơ sở, 12 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 03 sách chuyên khảo	Mác - Lênin
3	TS. Đồng Thị Yến, 1988, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lí học		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 09 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Tâm lí học
4	TS. Nguyễn Thị Phượng, 1983, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 03 sách chuyên khảo	Tiếng Việt thực hành
5	TS. Nguyễn Thị Tím Huế, 1979, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Giáo dục học; Nghiệp vụ sư phạm 1
6	TS. Đàm Văn Bắc, 1969, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam	Địa lí	2018, Đại học Hải Phòng	17 đề tài NCKH cấp cơ sở, 08 bài báo	Địa lí tự nhiên các châu lục; Địa lí tự nhiên Việt Nam;

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	cao cấp	Nam, 2014		Phòng	khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Khóa luận tốt nghiệp
7	ThS. Vũ Thùy Trang 05/12/1981, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Lịch sử	2012, Đại học Hải Dương	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, kỉ yếu hội thảo khoa học	Lịch sử văn minh thế giới; Lịch sử thế giới cổ trung đại; Lịch sử thế giới cận đại; Lịch sử thế giới hiện đại; Vương quốc cổ Chăm - pa và Phù Nam; Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử; Lí luận dạy học lịch sử; Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á; Một số tôn giáo lớn trên thế giới; Bài học Lịch sử ở trường phổ thông; Khóa luận tốt nghiệp
8	ThS. Nguyễn Thị Thắm 20/06/1982, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lịch sử	2012, Đại học Hải Dương	02 đề tài NCKH cấp cơ sở, 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, kỉ yếu hội	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam; Lịch sử Việt Nam hiện đại; Lịch sử ngoại giao Việt Nam; Lịch sử

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
					thảo khoa học	quan hệ quốc tế; Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử; Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam; Làng xã Việt Nam; Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa; Các khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử; Khóa luận tốt nghiệp
9	ThS. Trần Việt Dũng 20/12/1984, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam,	Lịch sử	2012, Đại học Hải Dương	03 đề tài NCKH cấp cơ sở, 07 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, kỉ yếu hội thảo khoa học	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới; Biển đảo Việt Nam trong lịch sử; Lịch sử Việt Nam hiện đại; Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại; Lịch sử ngoại giao Việt Nam; Lịch sử quan

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
						hệ quốc tế; Thực tế Lịch sử Việt Nam; Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở phổ thông; Các hình thức tổ chức dạy học lịch sử; Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam; Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa; Các khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại; Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử; Nghiệp vụ sư phạm 2; Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử; Khóa luận tốt nghiệp
10	ThS. Tăng Xuân Hùng 31/7/1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Lịch sử	2012, Đại học Hải Dương	02 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học; Lịch sử Việt Nam cổ trung đại; Lịch sử Việt Nam cận đại; Biển đảo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
						Việt Nam trong lịch sử; Thực tế Lịch sử Việt Nam; Hệ thống phương pháp dạy học lịch sử ở phổ thông; Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam; Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử; Kiểm tra, đánh giá môn lịch sử ở trường trung học; Khóa luận tốt nghiệp
11	TS. Phạm Thị Thu Thủy, 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 09 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	Tiếng Việt thực hành
12	TS. Nguyễn Thái Hưng, 1976, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2
13	TS. Dương	Tiến	Ngữ văn	2018,	06 đề tài	Tiếng Việt thực

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	Thị Bích Hạnh, 1976, Giảng viên chính	sĩ, Việt Nam, 2017		Đại học Hải Phòng	NCKH cấp cơ sở, 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	hành
14	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Ngữ văn		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Việt thực hành
15	TS. Đặng Thị Mai, 1977, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học (LL và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị)	2018, Đại học Hải Phòng	05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
16	TS. Phạm Thị Thu Hằng, 1987, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tư tưởng Hồ Chí Minh; Mĩ học đại cương
17	TS. Nguyễn	Tiến	Khoa	2018,	06 đề tài	Chủ nghĩa xã hội

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	Thị Thu Hà, 1977, Giảng viên chính	sĩ, Việt Nam, 2017	học Giáo dục Lí luận Chính trị	Đại học Hải Phòng	NCKH cấp cơ sở, 08 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo	khoa học; Pháp luật đại cương
18	ThS. Trần Thị Tuyên, 1983, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Mĩ học đại cương
19	ThS. Hoàng Thị Ngát, 1982, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 04 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Triết học Mác - Lênin
20	ThS. Nguyễn Thị Lại, 1986, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tư tưởng Hồ Chí Minh; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
21	ThS. Tiêu Thị Minh Hiền, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự			Pháp luật đại cương

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
22	TS. Luyện Thị Minh Thư, 1983, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	2018, Đại học Hải Phòng	06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 02 sách chuyên khảo đồng tác giả	Triết học Mác - Lênin
23	ThS. Cao Thị Thu Hằng, 1969, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2001	Khoa học giáo dục		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Giáo dục học; Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT
24	ThS. Nguyễn Thị Minh Hải, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tâm lí học
25	ThS. Lê Thị Minh Anh, 1977, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Giáo dục học		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT; Giao tiếp sư phạm
26	ThS. Vũ Thị Nga, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Tâm lí Giáo dục		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Giao tiếp sư phạm; Nghiệp vụ sư phạm 1
27	ThS. Trần Quốc Hưng,	Thạc sĩ,	Giáo dục học		04 đề tài NCKH cấp cơ	Nghiệp vụ sư phạm 1

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	1980, Giảng viên	Việt Nam, 2008			sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	
28	ThS. Phạm Thị Loan, 1985, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Công nghệ thông tin		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tin học đại cương
29	ThS. Nguyễn Thị Thanh Tâm, 1988, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Công nghệ thông tin		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Tin học đại cương
30	TS. Vũ Quốc Tuấn, 1982, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Toán học	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 06 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tin học đại cương
31	TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, 1984, Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	2018, Đại học Hải Phòng	05 đề tài NCKH cấp cơ sở, 11 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2
32	ThS. Nguyễn	Thạc	Giáo		04 đề tài	Giáo dục thể chất 1;

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghịệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSDT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	Hữu Thái, 1985, Giảng viên	sĩ, Việt Nam, 2017	dục thể chất		NCKH cấp cơ sở	Giáo dục thể chất 2
33	ThS. Đỗ Quốc Vương, 1984, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Giáo dục thể chất		04 đề tài NCKH cấp cơ sở, 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí	Giáo dục thể chất 1; Giáo dục thể chất 2
34	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Nhưng, 1976, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
35	ThS. Vũ Thị Điệp Lan, 1987, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
36	ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1980, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 07 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
37	ThS. Lê Thị	Thạc	Tiếng		06 đề tài	Tiếng Anh 1; Tiếng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học vị, nước, năm tốt nghịệp	Ngành, chuyên ngành	Tham gia đào tạo Đại học (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí)	Tham gia giảng dạy học phần
	Bắc, 1980, Giảng viên	sĩ, Việt Nam, 2014	Anh sư phạm		NCKH cấp cơ sở, 07 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Anh 2
38	ThS. Phạm Thị Hà Trang, 1983, Giảng viên	Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
39	Ths. Bùi Thị Thủy, 1982, Giảng viên	Thạc sĩ, Úc, 2014	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 03 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Tiếng Anh 1; Tiếng Anh 2
40	ThS. Nguyễn Thị Hải Vân, 1977, Giảng viên chính	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Địa lí		06 đề tài NCKH cấp cơ sở, 04 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, 01 sách chuyên khảo	Địa lí tự nhiên các châu lục; Địa lí tự nhiên Việt Nam

Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử đều đảm bảo ít nhất có 02 giảng viên tham gia giảng dạy.

Bảng 4.3. Phân công giảng viên, nhà khoa học cơ hữu giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử

STT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Tên giảng viên giảng dạy các học phần	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (Không tính các môn GDTC và GDQP - AN))			24		
Các học phần bắt buộc			22		
<i>Lí luận chính trị</i>			<i>11</i>		
1	PLO001	Triết học Mác-Lênin	3	1. TS. Luyện Thị Minh Thu 2. Ths. Hoàng Thị Ngát	
2	PLO002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	1. TS. Tạ Thị Thúy Ngân 2. TS. Đặng Thị Mai	
3	PLO003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hà 2. Ths. Trần Thị Tuyền	
4	PLO004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	1. TS. Phạm Thị Thu Hằng 2. Ths. Nguyễn Thị Lài	
5	PLO005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	1. TS. Đặng Thị Mai 2. Ths. Nguyễn Thị Lài	
<i>Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh</i>					
6	PE006	Giáo dục thể chất 1	1	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương	
7	PE007	Giáo dục thể chất 2	2	1. TS. Nguyễn Thái Hưng 2. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền 3. Ths. Đỗ Quốc Vương	
8	ME008	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1		Quân khu 3	
9	ME009	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2		Quân khu 3	
10	ME010	Giáo dục quốc phòng - an ninh 3		Quân khu 3	
11	ME011	Giáo dục quốc phòng - an		Quân khu 3	

		ninh 4		
<i>Ngoại ngữ</i>			7	
12	EN012	Tiếng Anh 1	3	1. Ths. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Ths. Vũ Thị Điệp Lan 3. Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền 4. Ths. Phạm Thị Hà Trang 5. Ths. Bùi Thị Thủy 6. Ths. Lê Thị Bắc
13	EN013	Tiếng Anh 2	4	1. Ths. Nguyễn Thị Tuyết Nhung 2. Ths. Vũ Thị Điệp Lan 3. Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền 4. Ths. Phạm Thị Hà Trang 5. Ths. Bùi Thị Thủy 6. Ths. Lê Thị Bắc
<i>Khoa học Tự nhiên</i>			2	
14	IT014	Tin học đại cương	2	1. TS. Vũ Quốc Tuấn 2. Ths. Phạm Thị Loan 3. Ths. Nguyễn Thị Thanh Tâm
<i>Khoa học Xã hội - Nhân văn</i>			2	
15	PSY015	Pháp luật đại cương	2	1. TS. Nguyễn Thị Thu Hà 2. Ths. Tiêu Thị Minh Hiền
<i>Các học phần tự chọn (Chọn 01 trong các học phần)</i>			2	
16.1	LIN316.1	Tiếng Việt thực hành	2	1. TS. Phạm Thị Thu Thủy 2. TS. Nguyễn Thị Phương 3. TS. Dương Thị Bích Hạnh 4. Ths. Nguyễn Thị Thanh Huyền
16.2	EDU316.2	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	2	1. Ths. Cao Thị Thu Hằng 2. Ths. Lê Thị Minh Anh
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			81	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			22	
<i>Các học phần bắt buộc</i>			20	
17	PSE117	Tâm lí học	3	1. TS. Đồng Thị Yến 2. Ths. Nguyễn Thị Minh Hải
18	PSE118	Giáo dục học	3	1. TS. Nguyễn Thị Tím Hué 2. Ths. Cao Thị Thu Hằng
19	HIS119	Nhập môn sử học và	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa

		phương pháp luận sử học		2. Ths. Tăng Xuân Hùng	
20	HIS120	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
21	HIS121	Cơ sở khảo cổ học	2	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Trần Việt Dũng	
22	CUL122	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
23	HIS123	Lịch sử văn minh thế giới	2	1. Ths. Vũ Thùy Trang 2. Ths. Tăng Xuân Hùng	
24	GEO124	Địa lí tự nhiên các châu lục	2	1. TS. Đàm Văn Bắc 2. Ths. Nguyễn Thị Hải Vân	
25	GEO125	Địa lí tự nhiên Việt Nam	2	1. TS. Đàm Văn Bắc 2. Ths. Nguyễn Thị Hải Vân	
Các học phần tự chọn (Chọn 01 trong các học phần)			2		
26.1	AES326.1	Mĩ học đại cương	2	1. TS. Phạm Thị Thu Hằng 2. Ths. Trần Thị Tuyền	
26.2	PSE326.2	Giao tiếp sư phạm	2	1. Ths. Lê Thị Minh Anh 2. Ths. Vũ Thị Nga	
2.2. Kiến thức ngành			57		
Các học phần bắt buộc			51		
27	HIS227	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	4	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
28	HIS228	Lịch sử thế giới cận đại	4	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
29	HIS229	Lịch sử thế giới hiện đại	4	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
30	HIS230	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	5	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Tăng Xuân Hùng	
31	HIS231	Lịch sử Việt Nam cận đại	4	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Tăng Xuân Hùng	
32	HIS232	Lịch sử Việt Nam hiện đại	5	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
33	HIS233	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
34	HIS234	Biển, đảo Việt Nam trong	3	1. Ths. Tăng Xuân Hùng	

		lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)		2. Ths. Trần Việt Dũng	
35	HIS235	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	3	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
36	HIS236	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	2	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Trần Việt Dũng	
37	HIS237	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
38	HIS238	Lịch sử quan hệ quốc tế	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
39	HIS239	Thực tế Lịch sử Việt Nam	1	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Trần Việt Dũng	
40	HIS240	Lí luận dạy học Lịch sử	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
41	HIS241	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	2	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Trần Việt Dũng	
42	HIS242	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
43	HIS243	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	3	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang	
Các học phần tự chọn			6		
<i>Tự chọn 1: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2		
44.1	HIS344.1	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	2	1. Ths. Tăng Xuân Hùng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
44.2	HIS344.2	Làng xã Việt Nam	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
<i>Tự chọn 2: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2		
45.1	HIS345.1	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	
45.2	HIS345.2	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm	

		Việt Nam thời cận đại		
<i>Tự chọn 3: Chọn 01 trong 02 học phần</i>			2	
46.1	HIS346.1	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm
46.2	HIS346.2	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang
2.3. Nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm			15	
47	TMT247	Nghiệp vụ sư phạm 1	2	1. TS. Nguyễn Thị Tím Huế 2. Ths. Vũ Thị Nga 3. Ths. Trần Quốc Hưng
48	HIS248	Nghiệp vụ sư phạm 2	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Trần Việt Dũng
49	HIS249	Thực hành giảng Lịch sử	3	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Tăng Xuân Hùng
50	HIS250	Thực tập sư phạm 1	2	
51	HIS251	Thực tập sư phạm 2	6	
2.4. Khóa luận tốt nghiệp / học phần thay thế			7	
Khóa luận tốt nghiệp			7	
52A		Khóa luận tốt nghiệp	7	
Học phần thay thế			7	
Bắt buộc			5	
52B.1	HIS452B.1	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	3	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Tăng Xuân Hùng
52B.2	HIS452B.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	2	1. Ths. Trần Việt Dũng 2. Ths. Nguyễn Thị Thắm
52B.3	HIS452B.3	Bài học Lịch sử ở trường trung học	2	1. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoa 2. Ths. Vũ Thùy Trang
Tổng cộng			125	

(Chi tiết xem Phụ lục Mẫu 1, Mẫu 2)

1.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu khoa học luôn được Nhà trường quan tâm, khuyến khích. Hiện tại, Trường Đại học Hải Dương có Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường, có quy chế hoạt động cụ thể. Hội đồng Khoa học và Đào tạo giữ vai trò tham mưu cho Ban Giám hiệu,

các Khoa, Trung tâm trong định hướng phát triển chuyên môn, khoa học của nhà trường, các đơn vị và các ngành nghề đào tạo.

Trong giai đoạn từ 2010 đến nay, số lượng bài báo được đăng trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế về khoa học giáo dục đạt chỉ số quốc tế ISI, Scopus là 32 bài; số lượng bài đăng trên các tạp chí khoa học trong nước hàng trăm bài. Nhà trường cũng tham gia thực hiện 06 đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp Tỉnh về khoa học giáo dục; cùng với đó là nâng cao chất lượng Tạp chí khoa học của nhà trường nhằm không ngừng phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng sản phẩm nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất và phát triển ngành nghề đào tạo, đặc biệt là ứng dụng vào khoa học giáo dục. Hằng năm, 100% các giảng viên, cán bộ quản lý của nhà trường tham gia nghiên cứu khoa học, viết sáng kiến kinh nghiệm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được tăng cường thông qua việc làm đồ án, luận án, khoá luận tốt nghiệp.

05 năm trở lại đây, các giảng viên khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội (tiền thân là khoa Xã hội) và các giảng viên ở những khoa khác đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử. Các đề tài đều có tính ứng dụng cao, phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, được Hội đồng nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học nhà trường đánh giá, xếp loại Giải, Xuất sắc.

Đặc biệt, các giảng viên của khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội (tiền thân là khoa Xã hội) rất tích cực viết bài đăng trên các tạp chí nghiên cứu, tạp chí khoa học, biên soạn tài liệu tham khảo, xuất bản sách,... hỗ trợ hữu ích giáo viên và học sinh phổ thông trong việc dạy học môn Lịch sử theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

(Xem Phụ lục Mẫu 4, Mẫu 5)

2. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học của nhà trường

Nhằm tăng cường đội ngũ giảng viên có học vị Tiến sĩ, Trường Đại học Hải Dương thực hiện chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí cho giảng viên đi học. Ngoài ra, nhà trường cũng thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ cao, áp dụng chế độ thu hút nhân tài của tỉnh Hải Dương đối với những giảng viên có trình độ Tiến sĩ.

Nhà trường cam kết thực hiện, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đơn vị, tổ chức, cá nhân của cơ sở đào tạo và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng, kí hợp đồng, phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học, bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phân công giảng dạy, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 5. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Về cơ sở vật chất hiện có của nhà trường

1.1. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Trường Đại học Hải Dương có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử. Trong đó bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; thư viện, trung tâm học liệu; trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập; nhà kí túc xá 5 tầng; nhà dịch vụ; nhà ăn sinh viên; phòng tập thể thao, nhà tập đa năng; sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo; sân bóng chuyên; sân bóng rổ. Cụ thể:

- Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu: 160;

- Thư viện, trung tâm học liệu: 04;

- Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập: 15;

- Nhà kí túc xá 5 tầng: 04;

- Nhà dịch vụ: 01;

- Nhà ăn sinh viên: 02;

- Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng: 02;

- Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo: 02;

- Sân bóng chuyên: 02;

- Sân bóng rổ: 02.

Trường Đại học Hải Dương cũng trang bị các phòng máy vi tính, mạng internet, tai nghe, hệ thống cách âm,... để giảng dạy các học phần đặc thù như Tin học, Tiếng Anh,... trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học.

(Xem Phụ lục Mẫu 6, Mẫu 8)

1.2. Về học liệu, nguồn thông tin thư viện

Trường Đại học Hải Dương có thư viện được trang bị hàng nghìn đầu sách chung và hàng trăm đầu sách chuyên ngành. Ngoài thư viện đặt trong khuôn viên Nhà trường, trường còn xây dựng thư viện điện tử với các đầu sách rất phong phú. Nguồn học liệu của Nhà trường như các bài giảng điện tử, bản đồ tư duy,... được sưu tầm, lưu trữ từ nhiều cơ sở đào tạo giáo viên Lịch sử trên cả nước. Nhà trường có gần 400 đầu sách, gồm các tài

liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo để sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử học tập các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

(Xem Phụ lục Mẫu 7)

1.3. Trường thực hành sư phạm

Trường Đại học Hải Dương có trường thực hành sư phạm THCS Chu Văn An được thành lập từ năm 2016 với đủ các khối lớp 6, 7, 8, 9, quy mô 13 lớp, trên 400 học sinh; Trường THPT Chu Văn An được thành lập từ năm 2019 với đủ các khối lớp 10, 11, 12, quy mô 28 lớp, trên 1000 học sinh. Đây là một trong các địa chỉ lí tưởng rèn năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, thực hiện phương châm đào tạo thực hành, thực nghiệm của Trường Đại học Hải Dương.

2. Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất của nhà trường

Trong thời gian tới, theo Đề án sáp nhập Trường Cao đẳng Hải Dương vào Trường Đại học Hải Dương của UBND tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, mức đầu tư cơ sở vật chất giai đoạn 1 (2023 - 2025) ước tính từ 200 tỉ đồng đến 250 tỉ đồng để xây dựng phòng học, giảng đường, nhà làm việc,... khang trang, hiện đại dùng chung cho đào tạo các ngành. Nhà trường cam kết thực hiện việc tăng cường mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, học liệu,... bảo đảm về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học cho từng năm học của toàn bộ khóa học, phù hợp với quy mô đào tạo, đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định.

PHẦN 6. ĐIỀU KIỆN VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐỂ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Đơn vị chuyên môn quản lý đối với ngành đào tạo

- Đơn vị chuyên môn cấp khoa quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành Sư phạm Lịch sử trình độ đại học là khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội.

- Các tổ bộ môn trong khoa: Tổ Ngữ văn, Tổ Khoa học xã hội.

- Đội ngũ: 04 Tiến sĩ và các Thạc sĩ.

- Cơ sở vật chất của khoa: Khoa có 01 văn phòng dùng chung, 01 văn phòng cho Trưởng khoa, 02 văn phòng cho các Tổ bộ môn của khoa. Các văn phòng đều được trang bị máy vi tính, máy in, điện thoại cố định và các vật dụng văn phòng cần thiết khác.

Các phòng học lý thuyết, phòng học thực hành (Tin học, Ngoại ngữ,...) đều được trang bị máy chiếu, máy điều hoà, kết nối mạng internet ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (toà nhà Giảng đường 06 tầng, số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

Cơ sở thực hành sư phạm của ngành đào tạo: Trường THCS Chu Văn An, Trường THPT Chu Văn An ở tại cơ sở 2, Trường Đại học Hải Dương (số 42, đường Nguyễn Thị Duệ, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương).

2. Phân công cán bộ quản lý chuyên môn

- Lãnh đạo khoa: Tiến sĩ Phạm Thị Thu Thủy.

- Trợ lý khoa: Thạc sĩ Nguyễn Thị Hải Vân.

- Lãnh đạo tổ bộ môn: Tiến sĩ Nguyễn Đức Toàn (Tổ Ngữ văn), Tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh Hoa (Tổ Khoa học Xã hội).

- Trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử: Quản lý giảng viên, cán bộ và người học thuộc Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội theo phân cấp của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, kế hoạch giảng dạy; biên soạn và thẩm định giáo trình, tài liệu tham khảo các môn học do khoa quản lý; thực hiện giảng dạy các môn học chuyên ngành và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình đào tạo; tham mưu cho Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương bổ sung cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo, ngân hàng đề thi, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập; tổ chức sinh hoạt chuyên môn và các hội thảo khoa học chuyên ngành; triển khai nghiên cứu đề tài khoa học các cấp với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài Trường Đại học Hải Dương; hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động

khai thác các dự án hợp tác quốc tế, phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo; quản lí các hoạt động của sinh viên.

(Xem Phụ lục Mẫu 3)

PHẦN 7. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ RỦI RO

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ đã quy định: Cơ sở đào tạo phải xây dựng, đề xuất, phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo do Hội đồng trường phê duyệt và chịu trách nhiệm về định hướng phát triển mở ngành mới, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển của cơ sở đào tạo; đồng thời bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực. Ngoài ra phải bảo đảm việc triển khai đề án mở mã ngành đào tạo đạt hiệu quả; thẩm định về dự báo rủi ro; đề xuất các giải pháp ngăn ngừa đề phòng rủi ro và cách thức giải quyết trong trường hợp rủi ro xảy ra khi mở ngành đào tạo.

1. Rủi ro của đề án mở mã ngành

- Rủi ro vì việc tuyển sinh không đủ số lượng;
- Rủi ro do bối cảnh dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp phải học online;
- Rủi ro vì việc tuyển sinh không gắn với nhu cầu nhân lực của đại phương và vùng;
- Rủi ro do chương trình đào tạo cũng như điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo của ngành/trường;
- Rủi ro vì đối thủ cạnh tranh không lành mạnh;
- Rủi ro do các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Sư phạm Lịch sử;
- Rủi ro vì hậu quả từ hoạt động của con người trong điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

2. Các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với đề án mở mã ngành

- Xây dựng và thẩm định đề án thật kỹ theo các quy định của pháp luật;
- Chuẩn bị tốt các cơ sở vật chất, cả trong trường hợp đào tạo online do ảnh hưởng của dịch bệnh;
- Khảo sát kỹ nhu cầu nhân lực của vùng và địa phương;
- Tăng cường việc định hướng nghề nghiệp đối với học sinh;
- Chuẩn bị thích ứng nhanh và hiệu quả nhất đối với các thay đổi về chính sách pháp luật có liên quan đến ngành Sư phạm Lịch sử;
- Chuẩn bị và đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao điều hành hoạt động của nhà trường và khoa.

3. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với đề án mở mã ngành

Trường Đại học Hải Dương nhận thức được các rủi ro có thể gặp phải nên theo quy định đã lập quỹ dự phòng để tự hạn chế, khắc phục hậu quả.

PHẦN 8. ĐỀ NGHỊ CAM KẾT VÀ THỰC HIỆN

Nhà trường cam kết không vi phạm các quy định hiện hành về các điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức quản lý và đào tạo các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học từ khi thành lập trường đến nay.

Trường Đại học Hải Dương sẽ tiếp tục phát triển đội ngũ giảng viên, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu, giáo trình, đáp ứng tốt nhất cho việc dạy và học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo ngành học Sư phạm Lịch sử.

Nhà trường cam kết và khẳng định luôn công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hằng năm theo các khoá học, ngành học; công khai tỉ lệ việc làm của sinh viên sau 01 năm tốt nghiệp; công khai mức thu học phí; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của ngành.

Với điều kiện cơ sở vật chất như trên, cùng đội ngũ cán bộ tâm huyết, có năng lực, Trường Đại học Hải Dương hoàn toàn có thể triển khai thành công đề án mở ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử (mã ngành 7140218), trình độ đại học để Trường triển khai công tác tuyển sinh và đào tạo từ năm học 2023 - 2024./.

HIỆU TRƯỞNG

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Ngành dự kiến mở: Sư phạm Lịch sử

Mã ngành: 7140218

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên kí hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Ngữ văn dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức dan khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệ	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày kí; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố; cấp		Kí tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Thị Thanh Hoa 13/8/1979	030179018111 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Lịch sử	01/8/2014		8603000666	12	11	03	
2	Tạ Thị Thúy Ngân 19/3/1972	33172010028 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	31/8/1996		2396049762	27	12	03	
3	Đông Thị Yến 15/5/1988	030188000568 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Tâm lí học	01/8/2014		3012030037	12	11		
4	Nguyễn Thị Phượng 02/9/1983	30183008304 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngôn ngữ học	01/01/2008		3008008612	15	04	05	
5	Nguyễn Thị Tím Huế 17/11/1979	030179008513 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Khoa học Giáo dục	02/12/2005		8605003316	21	04		
6	Đàm Văn Bắc 02/01/1969	030069006958 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Địa lí	01/3/2013		2396007176	17	09	01	
7	Vũ Thùy Trang	030181008032 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam,	Lịch sử	01/9/2009		30100000560	10		05	

	05/12/1981			2009								
8	Nguyễn Thị Thắm 20/06/1982	030182020501 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam, 2010	Lịch sử	10/6/2012		9106094903	16		03	
9	Trần Việt Dũng 20/12/1984	030084006260 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam,	Lịch sử	01/4/2011		3312019137	16		03	
10	Tăng Xuân Hùng 31/7/1976	030076004474 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Lịch sử	15/11/2001		8602003614	22		02	
11	Phạm Thị Thu Thủy 10/12/1977	030177007120 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Ngữ văn	01/01/2000		8600002683	23	11		
12	Nguyễn Thái Hưng 03/11/1976	030076008330 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Giáo dục thể chất	14/9/1988		8699000091	25	04		
13	Dương Thị Bích Hạnh 26/10/1976	30176009472 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Ngữ văn	01/02/1999		8699000088	24	06		
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền 26/7/1983	30183002073 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Ngữ văn	01/09/2010		3010036430	14	02		

15	Đặng Thị Mai 19/8/1977	030176016427 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục học (LL và PPDH bộ môn Giáo dục Chính trị)	01/02/1999		8699000084	24	08		
16	Phạm Thị Thu Hằng 25/08/1987	030187021812 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 222021	Triết học	01/9/2015		3011000041	13	04		
17	Nguyễn Thị Thu Hà 03/4/1977	030177018186 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Khoa học Giáo dục Lí luận Chính trị	01/9/2000		8603003291	09	08	02	
18	Trần Thị Tuyên 09/01/1983	024183016025 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Triết học	01/01/2008		3008008616	16	04	01	
19	Hoàng Thị Ngát 13/01/1982	030182007383 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Triết học	15/12/2007		8607011037	17	04	01	
20	Nguyễn Thị Lài 26/01/1986	030186006793 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Triết học	01/7/2020		3011034210	12		03	

21	Tiêu Thị Minh Hiền	30190018332 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Luật Dân sự và Tổ tụng dân sự		2011	3012022506	12			
22	Luyện Thị Minh Thu 02/4/1983	030183024380 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Triết học	01/9/2008		3008013495	15			
23	Cao Thị Thu Hằng 03/3/1969	141449588 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2001	Khoa học giáo dục	12/1993		2396049729	27	01		
24	Nguyễn Thị Minh Hải 04/6/1976	141796870 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Tâm lí học	01/01/2007		8605003317	24	02		
25	Lê Thị Minh Anh 17/02/1977	030177002123 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2004	Giáo dục học	01/02/1999		8699000081	24	02		
26	Vũ Thị Nga 08/3/1980	0986416345 Việt Nam		Thạc sĩ Việt Nam, 2012	Tâm lí Giáo dục	02/12/2005		8606003593	19			
27	Trần Quốc Hưng 19/8/1980	030080020073 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Giáo dục học	01/1/2007		8606003594	19	03	01	
28	Phạm Thị	030185004916		Thạc sĩ,	Công	01/01/2009		3008008611	17	04		

	Loan 25/6/1985	Việt Nam		Việt Nam, 2011	nghệ thông tin							
29	Nguyễn Thị Thanh Tâm 13/10/1988	030188022894 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Công nghệ thông tin	08/01/2011		3011034211	12	01		
30	Vũ Quốc Tuấn 08/6/1982	030082003453 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Toán học	01/01/2006		8606003590	14	06		
31	Nguyễn Thị Thu Hiền 27/8/1984	025184001362 Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	04/01/2011		3010001495	14		12	
32	Nguyễn Hữu Thái 04/6/1985	030085003556 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Giáo dục thể chất	01/5/2022		1910000825	09			
33	Đỗ Quốc Vương 07/9/1984	30084010399 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Giáo dục thể chất	01/9/2011		3011034212	12		03	
34	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng 04/08/1976	030176008343 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh	01/01/2000		8600003690	17	01		

35	Vũ Thị Điệp Lan 14/01/1987	030187013359 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	01/03/2011		3010001492	13	02		
36	Nguyễn Thị Thanh Huyền 24/9/1980	30180001569 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	01/01/2004		86040033238	18		08	
37	Lê Thị Bắc 24/11/1980	30180009388 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Tiếng Anh sư phạm	01/12/2008		8605001294	19		08	
38	Phạm Thị Hà Trang 26/10/1983	030183019198 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2006	Ngôn ngữ Anh	01/02/2011		0110139893	12			
39	Bùi Thị Thủy 20/5/1982	30182013807 Việt Nam		Thạc sĩ, Úc, 2014	Lí luận và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	10/6/2007		8607025756	09	04		

40	Nguyễn Thị Hải Vân 16/01/1977	033177003924 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Địa lí	01/01/2001		8600003639	18	05	02	
----	-------------------------------------	--------------------------	--	-------------------------------	--------	------------	--	------------	----	----	----	--

Ghi chú: Lịch sử khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương

TT	Họ và tên	Học phần/ môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kì, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/ chuyên môn phù hợp, chủ trì giảng dạy/ hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình; chủ trì giảng dạy khối kiến thức Chuyên ngành
		Lịch sử thế giới cổ trung đại	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Lịch sử thế giới cận đại	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Lịch sử thế giới hiện đại	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Lịch sử Việt Nam cận đại	Học kì 2, năm thứ hai	X				

		Vương quốc cổ Chăm - pa và Phù Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	Học kì 2, năm thứ ba	X				
		Lí luận dạy học Lịch sử	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Một số tôn giáo lớn trên thế giới	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Thực hành giảng dạy Lịch sử	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Bài học Lịch sử ở trường phổ thông	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
2	Tạ Thị Thúy Ngân	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình khối

								kiến thức Giáo dục đại cương
3	Đông Thị Yến	Tâm lí học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành phần Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
4	Nguyễn Thị Phương	Tiếng Việt thực hành	Học kì 1, năm thứ nhất			X		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành phần Cơ sở ngành trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
5	Nguyễn Thị Tím Huế	Giáo dục học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy chương trình thành phần
		Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ 3	X				Nghiệp vụ sư

								phạm trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
6	Đàm Văn Bắc	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì thực hiện nội dung Nghiên cứu khoa học (Khóa luận tốt nghiệp) trong khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp
		Địa lí tự nhiên các châu lục	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
7	Vũ Thùy Trang	Lịch sử văn minh thế giới	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử thế giới cổ trung đại	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Lịch sử thế giới cận đại	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Lịch sử thế giới hiện đại	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Vương quốc cổ Chăm - pa và Phù Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	Học kì 2, năm thứ ba	X				

		Lí luận dạy học Lịch sử	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Một số tôn giáo trên thế giới	Học kì 1, năm thứ tư			X		
		Bài học Lịch sử ở trường phổ thông	Học kì 2, năm thứ tư			X		
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
8	Nguyễn Thị Thắm	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	Học kì 2, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Lịch sử Việt Nam hiện đại	Học kì 1, năm thứ ba	X				
		Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Học kì 1 năm thứ tư	X				
		Lịch sử quan hệ quốc tế	Học kì 1 năm thứ tư	X				
		Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	Học kì 2, năm thứ ba	X				

		Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba			X		
		Làng xã Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba			X		
		Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Các khuynh hướng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
9	Trần Việt Dũng	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	Học kì 2, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử văn minh thế giới	Học kì 1, năm thứ nhất	X				
		Biển đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Lịch sử Việt Nam hiện	Học kì 1, năm thứ ba	X				

	đại					
	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	Học kì 1, năm thứ ba	X			
	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	Học kì 1, năm thứ tư	X			
	Lịch sử quan hệ quốc tế	Học kì 1, năm thứ tư	X			
	Thực tế Lịch sử Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X			
	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử	Học kì 2, năm thứ hai	X			
	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	Học kì 1, năm thứ ba	X			
	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	Học kì 2, năm thứ ba	X			
	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba			X	
	Cơ cấu kinh tế - xã hội	Học kì 2, năm thứ ba			X	

		Việt Nam thời thuộc địa						
		Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	Học kì 2, năm thứ ba			X		
		Nghiệp vụ sư phạm 2	Học kì 1, năm thứ tư					
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử	Học kì 2, năm thứ tư	X				
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X				
10	Tăng Xuân Hùng	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học kì 1, năm thứ hai	X				
		Lịch sử Việt Nam cận đại	Học kì 2, năm thứ hai	X				
		Biển đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	Học kì 1, năm thứ tư	X				
		Thực tế Lịch sử Việt	Học kì 1, năm thứ hai	X				

		Nam					
		Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và giáo dục Lịch sử	Học kì 2, năm thứ hai	X			
		Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	Học kì 1, năm thứ ba	X			
		Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ trung đại Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba			X	
		Kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	Học kì 2, năm thứ tư	X			
		Khóa luận tốt nghiệp	Học kì 2, năm thứ tư	X			
11	Phạm Thị Thu Thủy	Tiếng Việt thực hành	Học kì 1, năm thứ nhất			X	Giảng viên thực hiện chương trình
12	Nguyễn Thái Hưng	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X			Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X			
13	Dương Thị Bích Hạnh	Tiếng Việt thực hành	Học kì 1, năm thứ nhất			X	Giảng viên thực hiện chương trình
14	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiếng Việt thực hành	Học kì 1, năm thứ nhất			X	Giảng viên thực hiện chương trình

15	Đặng Thị Mai	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba	X				
16	Phạm Thị Thu Hằng	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Mĩ học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất			X		
17	Nguyễn Thị Thu Hà	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Pháp luật đại cương	Học kì 1, năm thứ hai	X				
18	Trần Thị Tuyền	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Mĩ học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất			X		
19	Hoàng Thị Ngát	Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
20	Nguyễn Thị Lại	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kì 1, năm thứ ba	X				
21	Tiêu Thị Minh Hiền	Pháp luật đại cương	Học kì 1, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
22	Luyện Thị Minh Thư	Triết học Mác - Lênin	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
23	Cao Thị Thu Hằng	Giáo dục học	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện

		Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ nhất			X		chương trình
24	Nguyễn Thị Minh Hải	Tâm lí học	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
25	Lê Thị Minh Anh	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	Học kì 1, năm thứ nhất			X		Giảng viên thực hiện chương trình
		Giao tiếp sư phạm	Học kì 2, năm thứ nhất			X		
26	Vũ Thị Nga	Giao tiếp sư phạm	Học kì 2, năm thứ nhất			X		Giảng viên thực hiện chương trình
		Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ ba	X				
27	Trần Quốc Hưng	Nghiệp vụ sư phạm 1	Học kì 1, năm thứ ba	X				Giảng viên thực hiện chương trình
28	Phạm Thị Loan	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
29	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
30	Vũ Quốc Tuấn	Tin học đại cương	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
31	Nguyễn Thị Thu Hiền	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
32	Nguyễn Hữu Thái	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện

		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				chương trình
33	Đỗ Quốc Vương	Giáo dục thể chất 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục thể chất 2	Học kì 2, năm thứ nhất	X				
34	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
35	Vũ Thị Diệp Lan	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
36	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
37	Lê Thị Bắc	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
38	Phạm Thị Hà Trang	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
39	Bùi Thị Thủy	Tiếng Anh 1	Học kì 1, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Tiếng Anh 2	Học kì 1, năm thứ hai	X				
40	Nguyễn Thị Hải Vân	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Học kì 2, năm thứ nhất	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Địa lí tự nhiên các châu lục	Học kì 1, năm thứ hai	X				
41	Quân khu 3	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	Học kì 2, năm thứ hai	X				Giảng viên thực hiện chương trình
		Giáo dục quốc phòng -	Học kì 2, năm thứ hai	X				

		an ninh 2					
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 3	Học kì 2, năm thứ hai	X			
		Giáo dục quốc phòng - an ninh 4	Học kì 2, năm thứ hai	X			

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử dự kiến mở trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Phạm Thị Thu Thủy 10/12/1977 Trưởng khoa	Tiến sĩ 2018	Ngữ văn Văn học Việt Nam	

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Sư phạm Lịch sử dự kiến mở do Trường Đại học Hải Dương thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/ cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần, môn học được phân công)	Ghi chú
1	QĐ số 23/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn Lịch sử huyện Kinh Môn	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 12/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	86.2 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
2	QĐ số 23/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Phát triển hoạt động liên kết giữa trường Cao đẳng Hải Dương với các trường Tiểu học, THCS trong việc dạy kỹ năng sống	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 12/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	91.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13

			cho học sinh						
3	QĐ số 23/CĐHD- ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho giáo viên THCS môn Địa lí huyện Kinh Môn	Đàm Văn Bắc	QĐ số 12/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	87.80 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
4	QĐ số 23/CĐHD- ĐT, ngày 15/11/2017	Cấp cơ sở	Dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 ở trường Tiểu học Chu Văn An theo định hướng phát triển năng lực phẩm chất của học sinh	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 12/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2018	04-06/7/2018	88.30 điểm Giỏi		Công nhận ngày 20/7/2018 QĐ số 13
5	QĐ số 14/CĐHD- ĐT, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tư duy và thực hành về lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam thời kì cận - hiện đại cho học sinh giỏi Lịch sử lớp 9	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 12/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	88.10 điểm Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
6	QĐ số	Cấp	Giáo dục kĩ năng	Tạ Thị	QĐ số	29-30/6/2019	94.40		Công nhận

	14/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2018	cơ sở	sống cho học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Hải Dương	Thúy Ngân	12/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2019	01/7/2019	điểm Xuất sắc		ngày 21/7/2019 QĐ số 13
7	QĐ số 14/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực nhận dạng và vẽ các loại biểu đồ cho học sinh giỏi Địa lí lớp 9	Đàm Văn Bắc	QĐ số 12/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	89.80 điểm Giỏi		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
8	QĐ số 14/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2018	Cấp cơ sở	Bồi dưỡng năng lực tạo lập văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 9 thi vào 10 THPT	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 12/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2019	29-30/6/2019 01/7/2019	91.70 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 21/7/2019 QĐ số 13
9	QĐ 10/CĐHD, ngày 15/11/2019	Cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tự nhiên & Xã hội lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 25/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	91.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020 QĐ 27/ QĐ-CĐHD
10	QĐ 10/CĐHD, ngày	Cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 25/QĐ-CĐHD,	29-30/6/2020 01/7/2020	94.80 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020

	15/11/2019		theo chương trình GDPT mới		ngày 02/6/2020				QĐ 27/ QĐ-CĐHD
11	QĐ 10/CĐHD, ngày 15/11/2019	Cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tự nhiên & Xã hội lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Đàm Văn Bắc	QĐ số 25/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	92.80 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020 QĐ 27/ QĐ-CĐHD
12	QĐ 10/CĐHD, ngày 15/11/2019	Cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 25/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	92.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020 QĐ 27/ QĐ-CĐHD
13	QĐ 10/CĐHD, ngày 15/11/2019	Cơ sở	Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Đông Thị Yên	QĐ số 25/QĐ-CĐHD, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	91.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020 QĐ 27/ QĐ-CĐHD
14	QĐ 10/CĐHD, ngày	Cơ sở	Tìm hiểu chương trình, SGK môn Tiếng Việt lớp 1	Nguyễn Thị Phụng	QĐ số 25/QĐ-CĐHD,	29-30/6/2020 01/7/2020	92.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020

	15/11/2019		theo Chương trình GDPT mới		ngày 02/6/2020				QĐ 27/ QĐ-CDHD
15	QĐ 10/CDHD, ngày 15/11/2019	Cơ sở	Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tự nhiên & Xã hội lớp 1 theo chương trình GDPT mới	Nguyễn Thị Hải Vân	QĐ số 25/QĐ-CDHD, ngày 02/6/2020	29-30/6/2020 01/7/2020	92.90 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/07/2020 QĐ 27/ QĐ-CDHD
16	QĐ số 10/CDHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy ngành Sư phạm Lịch sử, Quản lí văn hóa	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 41/CDHD-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	93.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
17	QĐ số 10/CDHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 41/CDHD-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	98.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
18	QĐ số 10/CDHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Xây dựng các quyết định phục vụ kiểm định	Đàm Văn Bắc	QĐ số 41/CDHD-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

19	QĐ số 10/QĐ- CDHD, ngày 15/11/2020	Cơ sở	Kiểm định học phần: Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm ngành đào tạo giáo viên THCS; Hoạt động giáo dục ở trường THCS	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 41/QĐ- CDHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95,8 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
20	QĐ số 10/QĐ- CDHD, ngày 15/11/2020	Cơ sở	Kiểm định học phần: Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm Tiểu học; Tâm lí học đại cương ngành đào tạo giáo viên tiểu học, THCS	Đông Thị Yến	QĐ số 41/QĐ- CDHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	93,5 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
21	QĐ số 10/QĐ- CDHD, ngày 15/11/2020	Cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Tự chọn Tiếng Việt 1, Rèn luyện NVSP (phần Tiếng Việt), hệ Cao đẳng Sư phạm Tiểu học	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 41/QĐ- CDHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95,8 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
22	QĐ số	Cấp	Kiểm định, tự đánh	Phạm Thị	QĐ số	06-08/7/2021	96.50		Công nhận

	10/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	cơ sở	giá ngành Công tác xã hội, ngành Sư phạm Ngữ văn	Thu Thủy	41/CĐHD-ĐT, ngày 10/6/2021		điểm Xuất sắc		ngày 15/7/2021 QĐ số 42
23	QĐ số 10/QĐ-CĐHD, ngày 15/11/2020	Cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy ngành Sư phạm Địa lí; Việt Nam học	Nguyễn Thị Hải Vân	QĐ số 41/QĐ-CĐHD, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	95,7 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
24	QĐ số 10/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thu Hà	QĐ số 41/CĐHD-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	97.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
25	QĐ số 10/CĐHD-ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ	Hoàng Thị Ngát	QĐ số 41/CĐHD-ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42

			Chí Minh						
26	QĐ số 10/CĐHD- ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Kiểm định, tự đánh giá chất lượng dạy học học phần: Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	Nguyễn Thị Lại	QĐ số 41/CĐHD- ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	96.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
27	QĐ số 10/CĐHD- ĐT, ngày 15/11/2020	Cấp cơ sở	Thiết kế Kế hoạch dạy học môn GDTC lớp 6 theo Chương trình GDPT mới	Nguyễn Thái Hưng	QĐ số 41/CĐHD- ĐT, ngày 10/6/2021	06-08/7/2021	89.40 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2021 QĐ số 42
28	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Lịch sử và Địa lí THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Lịch sử -	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	96.20 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

			Địa lí cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)						
29	QĐ số 73/CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Một số biện pháp tạo hứng thú học tập cho sinh viên trong dạy học các môn lí luận Mác-Lênin ở trường đại học, cao đẳng	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 26/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	95.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
30	QĐ số 73/CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi tốt nghiệp THPT và thi Đại học tại trường THPT Chu Văn An (5 đề và đáp án)	Đàm Văn Bắc	QĐ số 26/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	96.20 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
31	QĐ số 73/CĐHD-ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên cao đẳng sư phạm thông qua dạy học môn Giáo dục họ	Nguyễn Thị Tím Huế	QĐ số 26/CĐHD-ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	89.00 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

32	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Mối quan hệ giữa khí chất và stress ở học sinh THPT	Đồng Thị Yến	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	90.00 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
33	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng chương trình bồi dưỡng giáo viên môn Ngữ văn THCS đáp ứng chương trình GDPT mới (Chuyên đề Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn đáp ứng yêu cầu dạy học môn Ngữ văn cấp THCS theo chương trình GDPT 2018)	Phạm Thị Thu Thủy	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	98.30 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
34	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề kiểm định môn Ngữ văn lớp 11 tại trường THPT Chu Văn An	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.25 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

35	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng bộ đề thi môn GDCD lớp 10	Phạm Thị Thu Hằng	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.33 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
36	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng câu hỏi ôn luyện môn GDCD phục vụ ôn luyện kì thi tốt nghiệp THPT quốc gia	Luyện Thị Minh Thư	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	92.44 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
37	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Thiết kế bài dạy môn GDCD lớp 6	Trần Thị Tuyền	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.10 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
38	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp án) môn Tiếng Anh	Vũ Thị Diệp Lan	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	91.77 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35
39	QĐ số 73/CĐHD- ĐT, ngày 22/11/2021	Cấp cơ sở	Xây dựng ngân hàng đề thi thử vào lớp 10 THPT (tối thiểu 5 đề + đáp	Nguyễn Thị Tuyết Nhưng	QĐ số 26/CĐHD- ĐT, ngày 02/6/2022	23-24/6/2022	93.37 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/7/2022 QĐ số 35

			án) môn Tiếng Anh						
40	QĐ số 57/CĐHD- ĐT, ngày 7/11/2022	Cấp cơ sở	Khai thác nguồn tư liệu tiếng Pháp vào việc dạy học môn Lịch sử theo Chương trình GDPT 2018	Nguyễn Thị Thanh Hoa	QĐ số 76/CĐHD- ĐT, ngày 05/5/2023	11-12/5/2023	89.8 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/5/2023 QĐ số 35
41	QĐ số 57/CĐHD- ĐT, ngày 7/11/2022	Cấp cơ sở	Biện pháp phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn “Những nguyên lí của Chủ nghĩa Mác-Lênin” qua sử dụng các phương tiện dạy học ở trường đại học, cao đẳng	Tạ Thị Thúy Ngân	QĐ số 76/CĐHD- ĐT, ngày 05/5/2023	11-12/5/2023	96.22 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/5/2023 QĐ số 35
42	QĐ số 57/CĐHD- ĐT, ngày 7/11/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm tài nguyên đất và hướng sử dụng bền vững đất nông nghiệp tỉnh	Đàm Văn Bắc	QĐ số 76/CĐHD- ĐT, ngày 05/5/2023	11-12/5/2023	92.60 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/5/2023 QĐ số 35

			Hải Dương						
34	QĐ số 57/CĐHD- ĐT, ngày 7/11/2022	Cấp cơ sở	Một số biện pháp giáo dục học sinh phòng chống tệ nạn xã hội ở trường THPT Chu Văn An	Nguyễn Thị Tím Huê	QĐ số 76/CĐHD- ĐT, ngày 05/5/2023	11-12/5/2023	90.40 điểm Xuất sắc		Công nhận ngày 15/5/2023 QĐ số 35
44	QĐ số 57/CĐHD- ĐT, ngày 7/11/2022	Cấp cơ sở	Nghiên cứu một số yếu tố tác động đến định kiến đối với người đồng tính, song tính và chuyển giới	Đồng Thị Yên	QĐ số 76/CĐHD- ĐT, ngày 05/5/2023	11-12/5/2023	89.80 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/5/2023 QĐ số 35
45	QĐ số 57/CĐHD- ĐT, ngày 7/11/2022	Cấp cơ sở	Xây dựng Chương trình Bồi dưỡng giáo viên Tiểu học môn Tiếng Việt 2022	Nguyễn Thị Phượng	QĐ số 76/CĐHD- ĐT, ngày 05/5/2023	11-12/5/2023	92.60 điểm Giỏi		Công nhận ngày 15/5/2023 QĐ số 35

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành Sư phạm Lịch sử dự kiến mở của Trường Đại học Hải Dương (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2010), “ <i>Vai trò và ảnh hưởng của APEC</i> ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu</i> , số 2, tr. 49-54.	Bài viết, Tác giả
2	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2010), “ <i>Chính sách đối ngoại của triều Nguyễn trong quan hệ với nước An nam giai đoạn 1802 - 1858</i> ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu</i> , số 5, tr. 45-54.	Bài viết, Tác giả
3	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2012), “ <i>Căn cứ địa Hai Sông trong phong trào chống Pháp (1883 - 1889)</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6, tr. 141-145.	Bài viết, Tác giả
4	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2012), “ <i>Về địa bàn hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy</i> ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu lịch sử</i> , số 8, tr. 60-63.	Bài viết, Tác giả
5	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2013), “ <i>Thêm một số tư liệu về cuộc khởi nghĩa của Đốc Ngữ</i> ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu lịch sử</i> , số 6, tr. 54-63.	Bài viết, Tác giả
6	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2014), “ <i>Quận Cờ Phụng Văn Minh trong phong trào chống Pháp cuối thế kỉ XIX ở Sơn Tây</i> ”, <i>Tạp chí Lịch sử Quân sự</i> , số 5, tr. 41-44.	Bài viết, Tác giả
7	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2014), “ <i>Nguyễn Tuyển một dũng tướng của nghĩa quân Yên Thế</i> ”, <i>Tạp chí Xưa và Nay</i> , số 5, tr. 27-28.	Bài viết, Tác giả
8	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2014), “ <i>Bước đầu tìm hiểu về phong trào Cần Vương ở tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu lịch sử</i> , số 5, tr. 35-46.	Bài viết, Tác giả
9	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2014), “ <i>Đề Yêm một thủ lĩnh Cần Vương miền sông Đáy</i> ”, <i>Tạp chí Xưa và Nay</i> , số 8, tr. 21-23.	Bài viết, Tác giả

10	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2016), “Địa bàn hoạt động của nghĩa quân Bãi Sậy trong phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX”, Kỉ yếu <i>Hội thảo Khoa học Nguyễn Thiện Thuật và cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883-1892)</i> , Nxb. Đại học Quốc gia, tr. 258-270.	Bài viết, Tác giả thành viên
11	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2017), “Một số nội dung về Lịch sử thế giới, Lịch sử Việt Nam và các hình thức, phương pháp cần đào tạo lại giáo viên”, Kỉ yếu <i>Hội thảo Khoa học quốc tế Đào tạo và Bồi dưỡng giáo viên Lịch sử đáp ứng đổi mới, chương trình Sách giáo khoa mới</i> , Nxb Đại học Quốc gia, tr. 284-291.	Bài viết, Tác giả
12	Đàm Văn Bắc (chủ biên), Phạm Thị Hòa, Nguyễn Thị Thanh Hoa, Đặng Hồng Doan, Vũ Thị Ngọc Uyên, Nguyễn Thị Hải Vân (2020), <i>Hướng dẫn thiết kế Kế hoạch dạy học môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1 theo chương trình GDPT mới</i> , Nxb Lao động.	Sách, Tác giả
13	Nguyễn Thị Thanh Hoa (2021), “Nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS (2018): Công cuộc mở rộng trong tiến trình Lịch sử Việt Nam”, Kỉ yếu <i>Hội thảo khoa học Chương trình Giáo dục Lịch sử phổ thông 2018 và Sách giáo khoa Lịch sử mới, từ nội dung đến thực tiễn</i> , Nxb Khoa học Xã hội, tr. 188-187.	Bài viết, Tác giả
14	Lê Văn Phong, Nguyễn Thị Thanh Hoa (2023), “ <i>Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam góp phần làm thất bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ</i> ”, Tài liệu Hội thảo khoa học, Học viện Quốc gia Hồ Chí Minh.	Bài viết, Đồng tác giả
15	Tạ Thị Thúy Ngân (2012), “ <i>Bồi dưỡng cho sinh viên tính tích cực, chủ động trong quá trình tự học môn Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 19, tr. 148-153.	Bài viết, Tác giả
16	Tạ Thị Thúy Ngân (2012), “ <i>Giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Quân sự</i> , số 9, tr. 52-54.	Bài viết, Tác giả
17	Tạ Thị Thúy Ngân (2012), “ <i>Kiểm tra, đánh giá môn Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”	Bài viết,

	<i>theo hướng gắn với kỹ năng nghề nghiệp ở các trường Đại học, Cao đẳng, Tạp chí Khoa học</i> ”, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 22, tr. 135-143.	Tác giả
18	Tạ Thị Thúy Ngân (2013), “ <i>Nâng cao hiệu quả tự học của học viên trong học tập môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Quân sự</i> , số 2, tr. 74-77.	Bài viết, Tác giả
19	Tạ Thị Thúy Ngân (2015), “ <i>Một số giải pháp tạo hứng thú học tập trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên</i> ”, <i>Tạp chí Giáo dục</i> , tr. 190-192.	Bài viết, Tác giả
20	Tạ Thị Thúy Ngân (2015), “ <i>Phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin qua sử dụng các phương tiện dạy học</i> ”, <i>Tạp chí Giáo dục</i> , tr. 205-207.	Bài viết, Tác giả
21	Tạ Thị Thúy Ngân (2016), “ <i>Phương pháp trường hợp và việc gắn lý luận với thực tiễn trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin ở các trường Đại học, Cao đẳng</i> ”, <i>Tạp chí Giáo dục</i> , tr. 168-170.	Bài viết, tác giả
22	Tạ Thị Thúy Ngân (2018), “ <i>Phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản, qua sử dụng những kỹ thuật dạy học tích cực</i> ”, <i>Tạp chí Giáo dục</i> , tr. 271-274.	Bài viết, Tác giả
23	Tạ Thị Thúy Ngân (2020), <i>Biện pháp phát huy tính tích cực nhận thức của sinh viên trong dạy học môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin</i> , Nxb Lao động.	Sách, Tác giả
24	Tạ Thị Thúy Ngân (2020), <i>Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Đạo đức lớp 1 theo chương trình Giáo dục phổ thông mới</i> , Nxb Lao động.	Sách, Tác giả
25	Đàm Văn Bắc (2005), “ <i>Sự phát triển công nghiệp Hải Dương trong thời kì mới</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 5, tr. 97-100.	Bài viết, Tác giả
26	Đàm Văn Bắc (2007), “ <i>Một số giải pháp phát triển công nghiệp Hải Dương trong thời kì mới</i> ”, <i>Tạp chí Khoa</i>	Bài viết,

	<i>học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6, tr. 153-157.	Tác giả
27	Đàm Văn Bắc (2008), “ <i>Kinh tế Hải Dương trong thời kì mới</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr. 90-97.	Bài viết Đồng tác giả
28	Đàm Văn Bắc (2010), “ <i>Chuyển dịch cơ cấu cây trồng ở xã Thạch Khôi, thành phố Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 7, tr.139-146.	Bài viết, Tác giả
29	Đàm Văn Bắc (2011), “ <i>Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr. 109-119.	Bài viết, Tác giả
30	Đàm Văn Bắc (2012), “ <i>An ninh lương thực ở tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 19, tr.164-174.	Bài viết, Tác giả
31	Đàm Văn Bắc (2013), “ <i>Phát triển kinh tế trang trại tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 1, tr. 157-165.	Bài viết, Tác giả
32	Nguyễn Thị Tím Huế (2015), “ <i>Sử dụng bài tập trong dạy Giáo dục học theo hướng phát triển năng lực</i> ”, <i>Tạp chí Quản lý Giáo dục</i> , số 77, tháng 10, tr. 29-33.	Bài viết, Tác giả
33	Nguyễn Thị Tím Huế (2015), “ <i>Xây dựng bài tập gắn liền với phương pháp dạy học trong dạy học Giáo dục học theo hướng phát triển năng lực</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Giáo dục</i> , số 122, tháng 11, tr. 33-35.	Bài viết, Tác giả
34	Nguyễn Thị Tím Huế (2015), <i>Lí luận và thực trạng việc xây dựng, sử dụng bài tập trong dạy học Giáo dục học theo hướng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên Cao đẳng Sư phạm</i> , Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.	Sách, Tác giả
35	Đông Thị Yến (2011), “ <i>Ảnh hưởng của cha mẹ li hôn đến đời sống tâm lí của trẻ</i> ”, <i>Tạp chí Quản lý Giáo dục</i> , số 30, tháng 11, tr. 25-28.	Bài viết, Đồng tác giả
36	Đông Thị Yến (2014), “ <i>Mối quan hệ giữa khí chất và stress ở học sinh trung học phổ thông</i> ”, <i>Tạp chí Tâm lí học xã hội</i> , số 5, tháng 5, tr. 100-108.	Bài viết, Đồng tác giả

37	Đông Thị Yến (2015), “ <i>Định kiến, kì thị và phân biệt đối xử với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội</i> , tập 31, số 5, tr. 70-80.	Bài viết, Đồng tác giả
38	Đông Thị Yến (2017), “ <i>Định kiến, kì thị và phân biệt đối xử với người đồng tính và chuyển giới ở Việt Nam</i> ”, <i>Tạp chí Tâm lí học xã hội</i> , số 4, tr. 3-15.	Bài viết, Đồng tác giả
39	Đông Thị Yến (2018), “ <i>Nhu cầu và kĩ năng giao tiếp của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn</i> ”, <i>Tạp chí Tâm lí học xã hội</i> , số 2, tr. 62-73.	Bài viết, Đồng tác giả
40	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Dấu ấn Nam Bộ trong truyện ngắn “Mùa “len” trâu” của nhà văn Sơn Nam</i> ”, <i>Tạp chí Nhà văn</i> , số 3, tr. 112-116.	Bài viết, Tác giả
41	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Nhân vật trong tập truyện ngắn “Hương rừng Cà Mau” của Sơn Nam từ góc nhìn văn hóa</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học</i> , Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 18, tr. 51-60.	Bài viết, Tác giả
42	Phạm Thị Thu Thủy (2012), “ <i>Thân phận con người trong tập truyện ngắn “Thâm lăng”</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> , số 336, tr.103-106.	Bài viết, Tác giả
43	Phạm Thị Thu Thủy (2014), “ <i>Cảm thức lưu lạc trong sáng tác của bốn nhà văn Nam Bộ</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> , số 362, tr. 85-90.	Bài viết, Tác giả
44	Phạm Thị Thu Thủy (2014), “ <i>Con người Nam Bộ “tiền hiện đại” trong sáng tác của Hồ Biểu Chánh</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội 2</i> , số 34, tr. 105-117.	Bài viết, Tác giả
45	Phạm Thị Thu Thủy (2015), “ <i>Con người Nam Bộ trọng nghĩa khinh tài trong sáng tác của nhà văn Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội</i> , số 3, tr. 68-74.	Bài viết, Tác giả
46	Phạm Thị Thu Thủy (2016), “ <i>Con người Nam Bộ trên hành trình mở đất và giữ đất trong sáng tác của Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Khoa học - Đại học Huế</i> , số 2, tr. 37-49.	Bài viết, Tác giả
47	Phạm Thị Thu Thủy (2016), “ <i>Con người Nam Bộ trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa</i>	Bài viết,

	<i>nghệ thuật</i> , số 387, tr. 74-77.	Tác giả
48	Phạm Thị Thu Thủy (2016), <i>Dạy học Phong cách học Tiếng Việt ở chương trình Ngữ văn THCS</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	Sách, Tác giả
49	Phạm Thị Thu Thủy (2018), <i>Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Hải Dương</i> , Nxb Hội Nhà văn.	Sách, Tác giả thành viên
50	Phạm Thị Thu Thủy (2022), “ <i>Một số điểm cần lưu ý khi dạy học trực tuyến môn Ngữ văn cho học sinh THCS hiện nay</i> ”, <i>Tạp chí Dạy và học ngày nay</i> , số đặc biệt, tr. 296-297.	Báo, Tác giả
51	Nguyễn Thị Phương (2009), “ <i>Quan hệ thời gian thể hiện lập luận mạch lạc trong văn bản Tập đọc SGK Tiếng Việt Tiểu học</i> ”, Kỉ yếu <i>Hội thảo quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam - Trung Quốc ở Đông Á và Đông Nam Á</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 385-399.	Bài viết, Tác giả
52	Nguyễn Thị Phương (2011), “ <i>Một số ý kiến về phát triển văn hóa giao tiếp trong đào tạo giáo sinh tiểu học</i> ”, Kỉ yếu <i>Hội thảo khoa học Văn hóa chất lượng trong trường đại học</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 234-249.	Bài viết, Tác giả
53	Nguyễn Thị Phương (2013), “ <i>Một vài nhận xét về bước thoại và hành động nói của giáo sinh trên lớp học</i> ”, Kỉ yếu <i>Hội thảo quốc tế Nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam - Trung Quốc lần thứ 4</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 384-396.	Bài viết, Tác giả
54	Nguyễn Thị Phương (2015), “ <i>Về năng lực ngôn ngữ xã hội của sinh viên sư phạm tiểu học</i> ”, <i>Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư</i> (3), tr. 113-116.	Bài viết, Tác giả
55	Nguyễn Thị Phương (2015), “ <i>Một vài lỗi phát âm và cách rèn luyện cho sinh viên sư phạm tiểu học tại Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống</i> (7), tr. 33-37.	Bài viết, Tác giả
56	Nguyễn Thị Phương (2015), “ <i>Văn hóa như một tiêu chuẩn trong học tập tiếng Việt</i> ”, Kỉ yếu <i>Hội thảo Ngữ học toàn quốc</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 649-659.	Bài viết, Tác giả

57	Nguyễn Thị Phương (2020), <i>Tài liệu Hướng dẫn thiết kế kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo Chương trình GDPT mới</i> , Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.	Sách đồng Chủ biên
58	Nguyễn Thị Phương (2020), <i>Bổ trợ và nâng cao kiến thức Luyện từ và câu dành cho học sinh Tiểu học</i> , Nxb Hà Nội.	Sách Chủ biên
59	Luyện Thị Minh Thu (2013), “ <i>Bước đầu tìm hiểu về tình hình tôn giáo ở Ấn Độ hiện nay</i> ”, <i>Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á</i> , số 2 (5), tr. 26-33.	Bài viết, Tác giả
60	Luyện Thị Minh Thu (2016), <i>Hướng dẫn tự học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 267-316.	Bài viết, Tác giả
61	Luyện Thị Minh Thu (2016), “ <i>Quan niệm trung, hiếu của Phan Bội Châu trong Khổng học đấng</i> ”, <i>Tạp chí Văn hóa nghệ thuật</i> , số 386 (8), tr. 85-88.	Sách, Chủ biên
62	Luyện Thị Minh Thu (2016), “ <i>Quan niệm về nội dung giáo dục của Nho giáo và sự luận giải quan niệm này của Phan Bội Châu trong tác phẩm Khổng học đấng</i> ”, <i>Tạp chí Giáo dục lí luận</i> , số 248 (7), tr. 46-61.	Sách, Chủ biên
63	Luyện Thị Minh Thu (2016), “ <i>Quan niệm về nhân trong học thuyết Khổng - Mạnh và biểu hiện của nó ở nhà nho Phan Bội Châu</i> ”, <i>Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội</i> , số 8 (39), tr. 102-110.	Bài viết, Tác giả
64	Luyện Thị Minh Thu (2016), “ <i>Quan niệm về “trời”, “mệnh trời” trong tác phẩm Khổng học đấng của Phan Bội Châu</i> ”, <i>Tạp chí Giáo dục lí luận</i> , số 245, tr. 93-94,109.	Sách, Tác giả thành viên
65	Luyện Thị Minh Thu (2022), <i>Phân tích chủ nghĩa duy vật biện chứng theo chuyên đề</i> , Nxb Khoa học và Kỹ thuật, tr. 96-140.	Bài viết, Tác giả
66	Nguyễn Thái Hưng (2019), “ <i>Thực trạng cơ sở vật chất và hoạt động dạy bơi tại các trường Tiểu học có bể bơi tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Thể dục thể thao</i> , tháng 1, tr. 56-60.	Bài viết, Tác giả
67	Nguyễn Thái Hưng (2019), “ <i>Kết quả triển khai chương trình bơi chống đuối nước học sinh Tiểu học tỉnh Hải Dương</i> ”, <i>Tạp chí Khoa học Thể dục thể thao</i> , tháng 2, tr. 68-70.	Bài viết, Tác giả

168	Nguyễn Thái Hưng (2020), <i>Tuyển tập một số trò chơi vận động phát triển thể chất cho trẻ em lứa tuổi Mầm non</i> , Nxb Lao động.	Sách, Đồng chủ biên
-----	--	------------------------

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', [*trong*] *tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành Sư phạm Lịch sử dự kiến mở trình độ đại học của Trường Đại học Hải Dương

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	1,564			
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	405			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	41	4,112	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương	Các học kì 1, 2, 3, 4, 5 của toàn khóa học	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	21	977	Các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	Các học kì của toàn khóa học	
1.5	Số phòng học đa phương tiện	02	540	Các học phần Tin học, Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2	Học kì 1, 2, 3 của toàn khóa học	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	71	1,939	Các học phần thuộc chương trình đào tạo	Các học kì của toàn khóa học	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	04	286	Các học phần	Các học kì	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
				thuộc chương trình đào tạo	của toàn khóa học	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	15	12,740	Các học phần nghiệp vụ sư phạm, thực tập	Học kì 5, 6, 7, 8 của toàn khóa học	
4	Nhà kí túc xá 5 tầng	04	12,869		Các học kì của toàn khóa học	
5	Nhà dịch vụ	01	1,267		Các học kì của toàn khóa học	
6	Nhà ăn sinh viên	02	950		Các học kì của toàn khóa học	
7	Phòng tập thể thao, nhà tập đa năng	02	976	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
8	Sân vận động, sân bóng đá cỏ nhân tạo	02	2,750	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
9	Sân bóng chuyền	02	840	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
10	Sân bóng rổ	03	2,100	Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2, Giáo dục quốc phòng - an ninh	Học kì 1, 2, 4 của toàn khóa học	
	Tổng		44,315			

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Giáo trình triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, Năm thứ nhất	
2	Giáo trình triết học Mác - Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, Năm thứ nhất	
3	Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Dành cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017, Việt Nam	50	Triết học Mác-Lênin	PLO001	Kì 1, Năm thứ nhất	
4	Những điểm mới trong các văn	Hội đồng	Chính trị Quốc gia	50	Triết học	PLO001	Kì 1,	

	kiện Đại hội XIII của Đảng	Lí luận Trung ương	Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam		Mác-Lênin		Năm thứ nhất	
5	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PLO002	Kì 2, Năm thứ nhất	
6	Giáo trình Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	PLO002	Kì 2, Năm thứ nhất	
7	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, Năm thứ hai	
8	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, Năm thứ hai	
9	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương, Nguyễn Viết Thông	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, Năm thứ hai	
10	Hỏi - đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Thị Thạch	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PLO003	Kì 1, Năm thứ hai	

11	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho bậc đại học không chuyên lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, Năm thứ hai	
12	Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 1,2,4,15		Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, Năm thứ hai	
13	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, Năm thứ hai	
14	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PLO004	Kì 2, Năm thứ hai	
15	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên hệ chuyên Lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	
16	Chương trình môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho sinh viên hệ chuyên Lí luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	
17	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	

18	Báo cáo tổng kết một số vấn đề lí luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016)	Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	
19	DVD-ROM Văn kiện Đảng toàn tập	Đảng Cộng sản Việt Nam	Trung tâm Công nghệ DVD, Hà Nội, 2020, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	
20	Hồ Chí Minh toàn tập	Hồ Chí Minh	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	
21	80 năm Đảng Cộng sản Việt Nam, những chặng đường lịch sử (1930 - 2010)	Ngô Đăng Tri	Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	PLO005	Kì 1, Năm thứ ba	
22	Thể dục	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, Năm thứ nhất	
23	Thể dục	Nguyễn Xuân Sinh	Thể dục thể thao, Hà Nội, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, Năm thứ nhất	
24	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Đại Dương	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, Năm thứ nhất	
25	Lí luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học	Đông Văn Triệu, Lê Anh Thơ	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 1	PE006	Kì 1, Năm thứ nhất	

26	Giáo trình Đá cầu	Ủy ban Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
27	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
28	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
29	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
30	Giáo trình Võ thuật Vovinam		Thể dục thể thao, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất, thứ ba	
31	Giáo trình Võ thuật Vovinam		Thể dục thể thao, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
32	Giáo trình Thể dục Aerobic, Tập 1	Nguyễn Văn Thời	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
33	Giáo trình Cầu lông	Trường Đại học Sư phạm Thể dục	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014,	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, năm	

		thể thao Hà Nội	Việt Nam				thứ nhất	
34	Giáo trình Cầu lông	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
35	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
36	101 bài tập môn Bóng chuyền	Thanh Ly, Nhã Thư (Biên dịch)	Tổng hợp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 2, Năm thứ nhất	
37	Giáo trình Bóng đá	Trần Đức Dũng	Thể dục thể thao, Hà Nội, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
38	Ngân hàng câu hỏi và đáp án môn học Bóng đá	Bộ môn Bóng đá, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
39	Giáo trình Bóng rổ	Nguyễn Văn Trung, Nguyễn Quốc Quân, Phạm Văn Thảo, Lê Quốc Ân	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
40	Luật Bóng rổ	Ủy ban	Thể dục thể thao,	50	Giáo dục	PE007	Kì 1,	

		Thể dục thể thao	Hà Nội, 2001, Việt Nam		thể chất 2		Năm thứ hai	
41	Giáo trình huấn luyện Vovinam - Việt võ đạo	Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
42	Giáo trình Thể dục Aerobic	Đình Khánh Thu	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
43	Hướng dẫn tập luyện cầu lông	Đào Chí Thành	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
44	Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông	Trần Văn Vinh	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
45	Luật thi đấu cầu lông	Ủy ban Thể dục thể thao	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
46	Lí luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất trong trường học	Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ	Thể dục thể thao, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Giáo dục thể chất 2	PE007	Kì 1, Năm thứ hai	
47	Life: A2-B1	Hughes. J, Stephenson. H,	Cengage Learning Asia, 2015,	50	Tiếng Anh 1	EN0012	Kì 1, Năm thứ nhất	

		Dummet. P	Singapore					
48	Test your English Vocabulary in Use	Redman. S, Ruth. G	Trẻ, 2001, Việt Nam	50	Tiếng Anh 1	EN0012	Kì 1, Năm thứ nhất	
49	Grammar in Use	Murphy. R	Oxford University Press, 2006, Vương quốc Anh	50	Tiếng Anh 1	EN0012	Kì 1, Năm thứ nhất	
50	Life: A2-B1	Hughes. J, Stephenson. H, Dummet. P	Cengage Learning Asia, 2015, Singapore	50	Tiếng Anh 2	EN0013	Kì 1, Năm thứ hai	
51	Test your English Vocabulary in Use	Redman. S, Ruth. G	Trẻ, 2001, Việt Nam	50	Tiếng Anh 2	EN0013	Kì 1, Năm thứ hai	
52	Grammar in Use	Murphy. R	Oxford University Press, 2006, Vương quốc Anh	50	Tiếng Anh 2	EN0013	Kì 1, Năm thứ hai	
53	Bộ giáo trình IC3: Máy tính căn bản; Các ứng dụng chủ chốt; Cuộc sống trực tuyến	Microsoft Việt Nam	Giáo dục Việt Nam, 2014, Việt Nam	50	Tin học cơ bản	IT014	Kì 2, Năm thứ nhất	
54	Giáo trình Thực hành Tin học cơ sở	Phạm Hồng Thái, Du Phương Hạnh, Lương Việt Nguyên, Nguyễn Việt Tân, Đào	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tin học	IT014	Kì 2, Năm thứ nhất	

		Minh Thu						
55	Tin học cơ sở	Đào Kiến Quốc Bùi Thế Duy	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Cơ bản	IT014	Kì 2, Năm thứ nhất	
56	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY015	Kì 1, Năm thứ nhất	
57	Giáo trình Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia, 2012, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY015	Kì 1, Năm thứ nhất	
58	Giáo trình Lí luận Nhà nước và Pháp luật	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan	Công an nhân dân, 2015, Việt Nam	50	Pháp luật đại cương	PSY015	Kì 1, Năm thứ nhất	
59	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo	Phạm Viết Vượng (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
60	Quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo		Đại học Sư phạm, 2005, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
61	Nghị quyết 29, Hội nghị 8 BCHTW khóa XI ngày 4/11/2013			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	

62	Luật Giáo dục 2019			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
63	Luật Trẻ em 2016			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
64	Luật Viên chức 2010			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
65	Luật Cán bộ, công chức 2008			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
66	Điều lệ trường Trung học (Thông tur 32/2020/TT-BGDĐT ngày 05/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
67	Thông tur 39/2013/TT-BGDĐT ngày 04/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giáo dục			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
68	Thông tur 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục			50	Quản lí hành chính NN và quản lí	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	

	và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học				ngành GDĐT			
69	Báo cáo tổng kết đánh giá Giáo dục và Đào tạo Hải Dương hằng năm			50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
70	Giáo trình quản lí hành chính Nhà nước	Nguyễn Hữu Hải	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
71	Hệ thống giáo dục quốc dân và bộ máy quản lí giáo dục	Nguyễn Xuân Thanh	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Quản lí hành chính NN và quản lí ngành GDĐT	EDU316.2	Kì 1, Năm thứ tư	
72	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn	Đại học Sư phạm, 2014, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, Năm thứ nhất	
73	Tâm lí học phát triển	Trương Thị Khánh Hà	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, Năm thứ nhất	
74	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Xuân Thức	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, Năm thứ nhất	

75	Giáo trình Tâm lí học giáo dục	Nguyễn Đức Sơn, Trần Quốc Thành, Lê Minh Nguyệt, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Lệ Thu, Nguyễn Thị Huệ	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Tâm lí học	PSE117	Kì 1, Năm thứ nhất	
76	Giáo trình Giáo dục học, Tập 1 + Tập 2	Trần Thị Tuyệt Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, Năm thứ nhất	
77	Giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, Năm thứ nhất	
78	Dạy học hiện đại - Lí luận, biện pháp, kĩ thuật	Đặng Thành Hưng	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, Năm thứ nhất	
79	Những vấn đề chung của giáo dục học	Phan Thanh Long (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Giáo dục học	PSE118	Kì 2, Năm thứ nhất	
80	Tiếng Việt thực hành	Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	

81	Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản tiếng Việt	Nguyễn Thị Ly Kha	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
82	Bài tập tiếng Việt thực hành	Trần Trí Dõi	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
83	Tiếng Việt (thực hành)	Nguyễn Đức Dân	Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1995, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
84	Câu sai và câu mơ hồ	Nguyễn Đức Dân	Giáo dục, Hà Nội, 1992, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
85	Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt	Trần Ngọc Thêm	Khoa học Xã hội, 1985, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
86	Rèn luyện ngôn ngữ, Tập 1 + Tập 2	Phan Thiều	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
87	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng	Giáo dục, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Tiếng Việt thực hành	LIN316.1	Kì 1, Năm thứ nhất	
88	Phương pháp luận của sử học	J Topolski	Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
89	Một số vấn đề lí luận sử học	Hà Văn Tấn	Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	

90	Phương pháp luận sử học	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
91	Mấy vấn đề phương pháp luận sử học	Viện sử học	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
92	Nhập môn sử học	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
93	Phương pháp lịch sử và phương pháp lôgích	Văn Tạo	Viện sử học, Hà Nội, 1995, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
94	Về phương pháp nghiên cứu khoa học lịch sử quân sự	Viện Lịch sử Quân sự	Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
95	Lịch sử là gì	Eroophêép	Giáo dục, Hà Nội, 1981, Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	
96	Lịch sử là gì	E.H.Carr	Macmillan, 1986 (Bản dịch của Trường Đại học KHXH&NV), Việt Nam	50	Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học	HIS119	Kì 1, Năm thứ nhất	

97	Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam,	Nông Quốc Chấn (Chủ biên)	Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
98	Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người,	Nguyễn Từ X	Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
99	Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam,	Phan Hữu Dật	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
100	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam	Đặng Văn Lung	Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
101	Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam	Lê Ngọc Thắng	Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1990, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
102	Dân tộc Khơ-Mú ở Việt Nam	Khổng Diễm (Chủ biên)	Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
103	Lễ hội bỏ mả Bắc Tây Nguyên	Ngô Văn Doanh	Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1995, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
104	Người Dao ở Việt Nam	Bê Viết Đăng	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1971,	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	

			Việt Nam		ở Việt Nam			
105	Bức tranh văn hóa các dân tộc Việt Nam	Nguyễn Văn Huy	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
106	Văn hóa truyền thống người Dao ở Hà Giang	Phạm Quang Hoan	Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Các dân tộc và chính sách dân tộc ở Việt Nam	HIS120	Kì 2, Năm thứ ba	
107	Cơ sở khảo cổ học	Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Diệp Đình Hoa	Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
108	Cơ sở khảo cổ học	Hán Văn Khẩn, Hoàng Văn Khoán, Lâm Mỹ Dung, Nguyễn Xuân Mạnh, Nguyễn Chiêu và Nguyễn Khắc Sử	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
109	Lịch sử văn minh nhân loại thời tiền sử	Hawkes J. và Woolley Leonard	Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
110	Hành trình vào khảo cổ học Việt Nam (Sách song ngữ)	Andreas Reinecke và Lê Duy Sơn	LINDEN Soft, Koln, CHLB Đức, 1998,	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	

			Việt Nam					
111	Một thế kỉ khảo cổ học Việt Nam	Hà Văn Tấn	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
112	Khảo cổ học Việt Nam nhìn từ bên ngoài	Higham. Ch	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
113	Nguồn gốc loài người	Machusin	Tư tưởng, Maxcova, 1986, (bản dịch của NXB Khoa học và Kỹ thuật), Hà Nội, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
114	Nghệ thuật thời tiền sử - tranh khắc trên đá		Người đưa tin UNESCO (4), 1998, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
115	Thời đại đồ đồng	Lâm Thị Mỹ Dung	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Cơ sở khảo cổ học	HIS121	Kì 2, Năm thứ nhất	
116	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Trần Ngọc Thêm (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL122	Kì 1, Năm thứ hai	
117	Bản sắc văn hóa Việt Nam	Phan Ngọc	Văn học, Hà Nội,	50	Cơ sở văn hóa	CUL122	Kì 1,	

			2019, Việt Nam		Việt Nam		Năm thứ hai	
118	Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm	Trần Quốc Vượng	Giáo dục, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam	CUL122	Kì 1, Năm thứ hai	
119	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	HIS123	Kì 1, Năm thứ nhất	
120	Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại	Lương Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	HIS123	Kì 1, Năm thứ nhất	
121	Một số chuyên đề lịch sử thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	HIS123	Kì 1, Năm thứ nhất	
122	Giáo trình Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	Khoa Luật - Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Lịch sử văn minh thế giới	HIS123	Kì 1, Năm thứ nhất	
123	Địa lí các lục địa (tập 1)	Nguyễn Phi Hạnh	Giáo dục Việt Nam, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên các châu lục	GEO124	Kì 1, Năm thứ hai	
124	Địa lí các lục địa (tập 2)	Nguyễn Phi Hạnh	Giáo dục Việt Nam, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên các châu lục	GEO124	Kì 1, Năm thứ hai	
125	Sổ tay địa danh nước ngoài	Nguyễn Dược	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên các châu lục	GEO124	Kì 1, Năm thứ hai	
126	Giáo trình thực hành địa lí tự nhiên các lục địa	Nguyễn Đình Giang	Đại học Sư phạm, Hà Nội, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên các châu lục	GEO124	Kì 1, Năm thứ hai	

127	Tập bản đồ thế giới và các châu lục	Nguyễn Quý Thao	Giáo dục, 2006, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên các châu lục	GEO124	Kì 1, Năm thứ hai	
128	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Vũ Tự Lập	Đại học Sư phạm, 2011, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
129	Địa lí tự nhiên Việt Nam 1 (phần đại cương)	Đặng Duy Lợi (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2016, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
130	Địa lí tự nhiên Việt Nam 2 (phần khu vực),	Đặng Duy Lợi (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2015, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
131	Địa lí tự nhiên biển Đông	Nguyễn Văn Âu	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
132	Sông ngòi Việt Nam	Nguyễn Văn Âu	Giáo dục, 1976, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
133	Atlas địa lí Việt Nam	Bộ Giáo dục Việt Nam	Giáo dục, 2022, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
134	Giải thích các câu tục ngữ, ca dao bằng khoa học Địa lí	Nguyễn Văn Minh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
135	Thiên nhiên Việt Nam	Lê Bá Thảo	Khoa học Kỹ thuật, 1977, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
136	Khí hậu Việt Nam	Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc	Khoa học Kỹ thuật, 1993, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	

137	Thảm thực vật rừng	Thái Văn Trưng	Khoa học kỹ thuật, Việt Nam	50	Địa lí tự nhiên Việt Nam	GEO125	Kì 2, Năm thứ nhất	
138	Giáo trình Mĩ học Mác - Lênin		Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES326.1	Kì 2, Năm thứ nhất	
139	Mĩ học đại cương	Đỗ Văn Khang	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES326.1	Kì 2, Năm thứ nhất	
140	Mĩ học và giáo dục thẩm mĩ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn Thị Hoàng Yến	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES326.1	Kì 2, Năm thứ nhất	
141	Mĩ học với tư cách là một khoa học	Đỗ Huy	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES326.1	Kì 2, Năm thứ nhất	
142	Mĩ học Mác - Lênin	Đỗ Văn Khang (Chủ biên), Đỗ Huy, Nguyễn Văn Huyền	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES326.1	Kì 2, Năm thứ nhất	
143	Giáo trình Mĩ học đại cương	Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Vân	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Mĩ học đại cương	AES326.1	Kì 2, Năm thứ nhất	
144	Giao tiếp sư phạm	Ngô Công Hoàn, Hoàng Anh	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Giao tiếp sư phạm	PSE3326.2	Kì 2, Năm thứ hai	

145	Giao tiếp và ứng xử sư phạm	Ngô Công Hoàn	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Giao tiếp sư phạm	PSE3326.2	Kì 2, Năm thứ hai	
146	Các tình huống sư phạm trong giáo dục	Bùi Thị Mùi	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Giao tiếp sư phạm	PSE3326.2	Kì 2, Năm thứ hai	
147	Bàn về các xã hội tiền tư bản	Lênin	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
148	Lịch sử thế giới cổ đại	Lương Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
149	Lịch sử thế giới trung đại	Nguyễn Gia Phú	Giáo dục, Hà Nội, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
150	Lịch sử thế giới cổ đại, tập I + tập II	Chiêm Tế	Giáo dục, Hà Nội, 1978, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
151	Đại cương lịch sử thế giới cổ đại, tập 1 + tập 2	Trịnh Nhu, Nguyễn Gia Phú	Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1990, Hà Nội, Việt Nam.	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
152	Lịch sử Hi Lạp và Rôma	Nguyễn Gia Phú	Giáo dục, Hà Nội, 1990, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	

153	Bộ thông sử lịch sử thế giới vạn năm		Văn hóa Thông tin, Hà Nội, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
154	Văn minh Tây phương, tập 1 + tập 2	Crane Brinton, John B Christopher	Tủ sách Kim văn, Ủy ban dịch thuật, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
155	Lịch sử thế giới trung đại, quyển I	Đặng Đức An, Phạm Hồng Việt	Giáo dục, Hà Nội, 1980, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
156	Lịch sử thế giới trung cổ	Cosminski	Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội, 1960, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
157	Lịch sử thế giới trung đại, tập 2	Lương Ninh, Đặng Đức An	Giáo dục, Hà Nội, 1978, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
158	Lịch sử thế giới thời trung cổ	Lưu Minh Hàn (Chủ biên)	TP. Hồ Chí Minh, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
159	Lịch sử kinh tế các nước thời đại phong kiến	Pôlianxki	Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	HIS227	Kì 1, Năm thứ hai	
160	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
161	Lịch sử thế giới thời cận đại	Lưu Tộ Xương, Quang Nhân	TP. Hồ Chí Minh, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	

		Hồng, Hàn Thừa Văn						
162	Lịch sử thế giới thời cận đại, T4	Lưu Tô Xương, Quang Nhân Hồng, Hàn Thừa Văn, Ngãi Châu Xương	TP. Hồ Chí Minh, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
163	Cách mạng Pháp 1789	Trần Văn Trị	Giáo dục, Hà Nội, 1989, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
164	Lịch sử Đông Nam Á	Lương Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
165	Phong trào giải phóng dân tộc một cách tiếp cận mới	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
166	Bộ sách Thập đại tùng thư (2003)	Bộ sách Thập đại tùng thư	Văn hóa Thông tin, 2003, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
167	Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản	C.Mác- P.Ăngghen	Sự thật, Hà Nội, 1980, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
168	Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX	Đại học Quốc gia Hà Nội	Chính trị Quốc gia, 1997, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
169	Giáo trình lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện quan	Lí luận chính trị, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	

		hệ quốc tế						
170	Đại cách mạng Pháp	Morman Hampson	Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
171	Hiến Pháp Mỹ được làm ra như thế nào		Lí luận chính trị, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
172	Văn học công xã Pari	Đỗ Đức Hiểu	Đại học & Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1978, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
173	Lịch sử của chủ nghĩa tư bản từ 1500 - 2000	Michel Beaud	Thế giới, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
174	Một số chuyên đề lịch sử thế giới	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới cận đại	HIS228	Kì 2, Năm thứ hai	
175	Lịch sử thế giới hiện đại	Nguyễn Anh Thái (Chủ biên)	Giáo dục, 2009, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
176	Lịch sử thế giới hiện đại (quyển 1)	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	

177	Thế giới hiện đại (quyển 2)	Trần Thị Vinh	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
178	Chủ nghĩa tư bản thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI	Trần Thị Vinh	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2011, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
179	Lịch sử Đông Nam Á	Lương Ninh	Giáo dục, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
180	Lịch sử thế giới thời hiện đại (1900 - 1945)	Từ Thiên Ân, Hứa Bình, Vương Hồng Sinh	TP. Hồ Chí Minh, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
181	Lịch sử thế giới thời đương đại (1945 - 2000)	Từ Thiên Tân, Lương Chí Minh (Chủ biên)	TP. Hồ Chí Minh, 2002, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
182	Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 1	Vũ Dương Ninh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
183	Một số chuyên đề lịch sử thế giới, tập 2	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Kim (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
184	Giáo trình Lịch sử quan hệ quốc tế, tập 1	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, 2005, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	

185	Cách mạng tháng 10 và phong trào giải phóng dân tộc		Sự Thật, 1987, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
186	Con đường cứu nước trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á	Đỗ Thanh Bình (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Lịch sử thế giới hiện đại	HIS229	Kì 1, Năm thứ ba	
187	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	HIS230	Kì 2, Năm thứ nhất	
188	Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1	Trương Hữu Quỳnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	HIS230	Kì 2, Năm thứ nhất	
189	Lịch sử Việt Nam, tập 1	Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, Lương Ninh	Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	HIS230	Kì 2, Năm thứ nhất	
190	Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập 4 (1858 - 1918)	Nguyễn Ngọc Cơ (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cận đại	HIS231	Kì 2, Năm thứ hai	
191	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến nay	Trần Bá Đệ (Chủ biên)	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cận đại	HIS231	Kì 2, Năm thứ hai	

192	Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 2	Đình Xuân Lâm (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cận đại	HIS231	Kì 2, Năm thứ hai	
193	Việt Nam thời Pháp đô hộ	Nguyễn Thế Anh	Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cận đại	HIS231	Kì 2, Năm thứ hai	
194	Cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta	Hoàng Chí Bảo (Chủ biên)	Thông tin lí luận, Hà Nội, 1992, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cận đại	HIS231	Kì 2, Năm thứ hai	
195	Lịch sử cận đại Việt Nam (4 tập)	Trần Văn Giàu	Giáo dục, Hà Nội, 1960 - 1963, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam cận đại	HIS231	Kì 2, Năm thứ hai	
196	Lịch sử Việt Nam, tập 4	Lê Mậu Hãn (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam hiện đại	HIS232	Kì 1, Năm thứ ba	
197	Tiền trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam hiện đại	HIS232	Kì 1, Năm thứ ba	
198	Giáo trình lịch sử Việt Nam, tập 6, từ 1945 - 1954	Trần Bá Đệ (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam hiện đại	HIS232	Kì 1, Năm thứ ba	
199	Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học	Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh - Trực thuộc Bộ Chính trị	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam hiện đại	HIS232	Kì 1, Năm thứ ba	

200	Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập 2	Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam hiện đại	HIS232	Kì 1, Năm thứ ba	
201	Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, tập 3	Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Lịch sử Việt Nam hiện đại	HIS232	Kì 1, Năm thứ ba	
202	Lịch sử vương quốc Champa	Lương Ninh	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	HIS233	Kì 1, Năm thứ hai	
203	Vương quốc Phù Nam - Lịch sử và văn hóa	Lương Ninh	Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	HIS233	Kì 1, Năm thứ hai	
204	Mấy vấn đề về vương quốc cổ Champa	Lương Ninh	Tạp chí Khảo cổ học, 3/1980, Việt Nam	50	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	HIS233	Kì 1, Năm thứ hai	
205	Văn hóa Óc Eo - những khám phá mới	Lê Xuân Diệm, Đào Lịnh Côn, Võ Sĩ Khải	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1995, Việt Nam	50	Vương quốc cổ Chăm-pa và Phù Nam	HIS233	Kì 1, Năm thứ hai	
206	Biển, đại dương và chủ quyền biển, đảo Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	HIS234	Kì 1, Năm thứ tư	

207	Giáo trình Một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia	Bộ Quốc phòng	Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	HIS234	Kì 1, Năm thứ tư	
208	Bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam	Nguyễn Thái Anh	Thời đại, 2011, Việt Nam	50	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	HIS234	Kì 1, Năm thứ tư	
209	Một số vấn đề về chủ quyền biển, đảo Việt Nam	Quân chủng Hải quân BQP	Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	HIS234	Kì 1, Năm thứ tư	
210	Đi tìm một giải pháp hòa bình hợp công lí cho Biển Đông Nam Á	Vũ Quang Việt	Tạp chí Thời đại mới, số 11, tháng 7, 2007, Việt Nam	50	Biển, đảo Việt Nam trong lịch sử (Từ nguồn gốc đến đầu thế kỉ XXI)	HIS234	Kì 1, Năm thứ tư	
211	Lịch sử thế giới cận đại	Nguyễn Văn Hồng, Vũ Dương Ninh	Giáo dục, 2008, Việt Nam	50	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	HIS235	Kì 1, Năm thứ ba	
212	Lịch sử thế giới cận đại	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm 2008, Việt Nam	50	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	HIS235	Kì 1, Năm thứ ba	
213	Lịch sử thế giới hiện đại	Nguyễn Anh Thái	Giáo dục, 2008,	50	Các cuộc cách	HIS235	Kì 1,	

		(Chủ biên)	Việt Nam		mạng công nghiệp trong lịch sử		Năm thứ ba	
214	Lịch sử thế giới hiện đại (quyển 1)	Đỗ Thanh Bình	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	HIS235	Kì 1, Năm thứ ba	
215	Lịch sử thế giới hiện đại (quyển 2)	Trần Thị Vinh	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	HIS235	Kì 1, Năm thứ ba	
216	Một số thành tựu khoa học kỹ thuật nổi bật của thế kỉ XX	Ngô Bội Tuyên	Thanh niên, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	HIS235	Kì 1, Năm thứ ba	
217	Khoa học và công nghệ thế giới những năm đầu thế kỉ XXI	Bộ Khoa học và Công nghệ	Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, 2006, Việt Nam	50	Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử	HIS235	Kì 1, Năm thứ ba	
218	Lịch sử Đông Nam Á	Lương Ninh	Giáo dục, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	HIS236	Kì 1, Năm thứ ba	
219	Lược sử Đông Nam Á	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	HIS236	Kì 1, Năm thứ ba	
220	Lịch sử vương quốc Chămpa	Lương Ninh	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2004,	50	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á	HIS236	Kì 1, Năm thứ ba	

			Việt Nam		cổ - trung đại			
221	Vương quốc Phù Nam	Lương Ninh	Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	HIS236	Kì 1, Năm thứ ba	
222	Tạp chí nghiên cứu Lịch sử	Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á	Tạp chí nghiên cứu Lịch sử, Việt Nam	50	Một số vấn đề lịch sử Đông Nam Á cổ - trung đại	HIS236	Kì 1, Năm thứ ba	
223	Giáo trình lịch sử ngoại giao Việt Nam	Nguyễn Thị Mĩ Hạnh	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2022, Việt Nam	50	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	HIS237	Kì 1, Năm thứ tư	
224	Giáo trình lịch sử ngoại giao Việt Nam	Phạm Đức Thuận (Chủ biên)	Đại học Cần Thơ, 2018, Việt Nam	50	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	HIS237	Kì 1, Năm thứ tư	
225	Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước	Nguyễn Lương Bích	Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	HIS237	Kì 1, Năm thứ tư	
226	Đại cương lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	HIS237	Kì 1, Năm thứ tư	
227	Lịch sử quan hệ quốc tế	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2016, Việt Nam	50	Lịch sử quan hệ quốc tế	HIS238	Kì 1, Năm thứ tư	
228	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Giáo dục, 2006, Việt Nam	50	Lịch sử quan hệ quốc tế	HIS238	Kì 1, Năm thứ tư	

229	Lịch sử thế giới hiện đại	Nguyễn Anh Thái (Chủ biên)	Giáo dục, 2006, Việt Nam	50	Lịch sử quan hệ quốc tế	HIS238	Kì 1, Năm thứ tư	
230	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên)	Giáo dục, 2007, Việt Nam	50	Thực tế Lịch sử Việt Nam	HIS239	Kì 1, Năm thứ hai	
231	Đại cương lịch sử Việt Nam	Trương Hữu Quýnh (Chủ biên)	Giáo dục, 2000, Việt Nam	50	Thực tế Lịch sử Việt Nam	HIS239	Kì 1, Năm thứ hai	
232	Đại cương lịch sử Việt Nam	Lê Mậu Hãn (Chủ biên)	Giáo dục, 2000, Việt Nam	50	Thực tế Lịch sử Việt Nam	HIS239	Kì 1, Năm thứ hai	
233	Phương pháp dạy học Lịch sử	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Lí luận dạy học Lịch sử	HIS240	Kì 2, Năm thứ hai	
234	Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT	Vũ Quang Hiến	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Lí luận dạy học Lịch sử	HIS240	Kì 2, Năm thứ hai	
235	Phát huy tính tích cực của học sinh trong dạy học Lịch sử ở Trung học cơ sở	Phan Ngọc Liên, Trịnh Đình Tùng	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Lí luận dạy học Lịch sử	HIS240	Kì 2, Năm thứ hai	
236	Phương pháp nghiên cứu khoa học tâm lí - giáo dục	Dương Thiệu Tổng	Khoa học Xã hội, 2005, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	HIS242	Kì 2, Năm thứ hai	

237	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học Kỹ thuật, 1998, 2005, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	HIS241	Kì 2, Năm thứ hai	
238	Mô đun Giáo dục học tiểu học - Tiểu mô đun Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Mai Ngọc Luông	Dự án phát triển giáo viên tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2005, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	HIS241	Kì 2, Năm thứ hai	
239	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phạm Viết Vượng	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học Lịch sử và Giáo dục Lịch sử	HIS241	Kì 2, Năm thứ hai	
240	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 1 + tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	
241	Tài liệu tập huấn giáo viên trường THPT chuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	

242	Đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2005, Việt Nam	50	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	
243	Những vấn đề cơ bản của giáo dục học hiện đại	Thái Duy Tuyên	Giáo dục, Hà Nội, 1999, Việt Nam	50	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	
244	Tạp chí Giáo dục, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Tạp chí Dạy và học ngày nay	Các tạp chí chuyên ngành	Các tạp chí chuyên ngành	50	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	
245	Chuẩn bị bài học Lịch sử như thế nào	N.G.Đairi	Giáo dục, Hà Nội, 1973, Việt Nam	50	Hệ thống phương pháp dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	
246	Những vấn đề lịch sử trong tác phẩm Hồ Chí Minh	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2006, Việt Nam	50	Hệ thống phương pháp dạy học	HIS242	Kì 1, Năm thứ ba	

					Lịch sử ở trường trung học			
247	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Côi	Đại học Sư phạm, 2006, Việt Nam	50	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS243	Kì 2, Năm thứ ba	
248	Hoàng Thanh Tú, Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT	Vũ Quang Hiến	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS243	Kì 2, Năm thứ ba	
249	Đổi mới phương pháp dạy học lịch sử ở trường phổ thông	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, 2005, Việt Nam	50	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS243	Kì 2, Năm thứ ba	
250	Hướng dẫn sử dụng kênh hình trong sách giáo khoa lịch sử lớp 10, 11, 12	Nguyễn Thị Côi	Đại học Sư phạm, 2012, Việt Nam	50	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS243	Kì 2, Năm thứ ba	
251	Bảo tàng, di tích nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học Lịch sử cho học sinh phổ thông	Nguyễn Thị Kim Thành (Chủ biên)	Giáo dục Việt Nam, 2014, Việt Nam	50	Các hình thức tổ chức dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS243	Kì 2, Năm thứ ba	
252	Chế độ ruộng đất Việt Nam thế kỉ	Trương Hữu	Chính trị Quốc gia,	50	Chế độ ruộng đất	HIS344.1	Kì 1,	

	XI - XVIII	Quýnh	Hà Nội, 2004, Việt Nam		trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam		Năm thứ ba	
253	Tình hình ruộng đất và đời sống nông dân dưới thời Nguyễn	Trương Hữu Quýnh	Thuận Hoá, Huế, 1997, Việt Nam	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	
254	Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	Vũ Huy Phúc	Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, Việt Nam	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	
255	Về tính chất sở hữu ruộng đất công làng xã	Phan Đại Doãn	Nghiên cứu lịch sử, số 199, 1981, Việt Nam	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	
256	Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam Kì lục tỉnh	Nguyễn Đình Đầu	Hà Nội, 1992, Việt Nam	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	
257	Phác qua tình hình ruộng đất và đời sống nông dân trước Cách mạng tháng Tám	Nguyễn Kiên Giang	Sự thật, Hà Nội, 1961, Việt Nam	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	
258	Sự phát triển của các hình thức sở hữu ruộng đất trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam	Vũ Minh Giang	Tạp chí khoa học, Đại học Tổng hợp Hà Nội, số 3, 1988, Việt Nam	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ - trung đại Việt Nam	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	
259	Người nông dân châu thổ Bắc Kì	Gourou. P	Trẻ, TP. Hồ Chí Minh,	50	Chế độ ruộng đất trong lịch sử cổ -	HIS344.1	Kì 1, Năm thứ ba	

			2003, Việt Nam		trung đại Việt Nam			
260	Làng Việt Nam: Một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội	Phan Đại Doãn	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
261	Người nông dân châu thổ Bắc kì	Gourou Pierre	Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2003, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
262	Một số vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở các nước và Việt Nam		Thế giới, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
263	Làng, liên làng và siêu làng (Mấy suy nghĩ về phương pháp), in trong Một chặng đường nghiên cứu lịch sử (1995 - 2000)	Hà Văn Tấn	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
264	Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ	Trần Từ	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
265	Nông thôn Việt Nam trong lịch sử (2 tập)	Viện Sử học	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1977-1978, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
266	Hệ thống chính trị ở cơ sở nông thôn nước ta hiện nay	Hoàng Chí Bảo (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004,	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	

			Việt Nam					
267	Quản lí xã hội nông thôn nước ta hiện nay - Một số vấn đề và giải pháp	Phan Đại Doãn (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
268	Làng xã cổ truyền của người Việt: Tiến trình lịch sử và kết cấu kinh tế xã hội, tập 1	Phan Huy Lê	Thế giới, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
269	Hương ước trong quá trình thực hiện dân chủ ở nông thôn Việt Nam hiện nay	Đào Trí Úc (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
270	Văn minh Việt Nam	Nguyễn Văn Huyền	Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Làng xã Việt Nam	HIS344.2	Kì 1, Năm thứ ba	
271	Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858 - 1945)	Nguyễn Văn Khánh	Đại học Quốc gia, 2004, Việt Nam	50	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	HIS345.1	Kì 2, Năm thứ ba	
272	Việt Nam 1919 - 1930: Thời kì tìm tòi và định hướng	Nguyễn Văn Khánh	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	HIS345.1	Kì 2, Năm thứ ba	
273	Đại cương lịch sử Việt Nam, tập	Đình Xuân Lâm		50	Cơ cấu kinh tế -	HIS345.1	Kì 2,	

	2	(Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 1997, Việt Nam		xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)		Năm thứ ba	
274	Việt Nam thời Pháp đô hộ	Nguyễn Thế Anh	Văn học, Hà Nội, 2008, Việt Nam	50	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	HIS345.1	Kì 2, Năm thứ ba	
275	Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1858 - 1939)	Aumiphin J	Hội sử học Việt Nam, Hà Nội, 1994, Việt Nam	50	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	HIS345.1	Kì 2, Năm thứ ba	
276	Cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta	Hoàng Chí Bảo (chủ biên)	Thông tin lí luận, Hà Nội, 1992, Việt Nam	50	Cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam thời thuộc địa (1858-1945)	HIS345.1	Kì 2, Năm thứ ba	
277	Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam 3 tập, in trong “Tác phẩm được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh”	Trần Văn Giàu	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2003, Việt Nam	50	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	HIS345.2	Kì 2, Năm thứ ba	
278	Đại cương Lịch sử Việt Nam	Đình Xuân Lâm (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, Việt Nam	50	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở	HIS345.2	Kì 2, Năm thứ ba	

					Việt Nam thời cận đại			
279	Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin ở Việt Nam	Phạm Xanh	Thông tin lí luận, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	HIS345.2	Kì 2, Năm thứ ba	
280	Việt Nam thanh niên Cách mạng đồng chí hội	Nguyễn Thành, Phạm Xanh, Đặng Hòa, Đào Phiếu, Nguyễn Thành	1986, Việt Nam	50	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	HIS345.2	Kì 2, Năm thứ ba	
281	Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào giải phóng dân tộc	Nguyễn Văn Khánh	Thông tin lí luận, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	HIS345.2	Kì 2, Năm thứ ba	
282	Phan Bội Châu - con người và sự nghiệp cứu nước	Chương Thâu	Nghệ An, Vinh, 1982, Việt Nam	50	Các khuynh hướng tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại	HIS345.2	Kì 2, Năm thứ ba	
283	Tìm hiểu tư tưởng dân chủ của	Đỗ Thị Hoà Hới	Khoa học Xã hội,	50	Các khuynh hướng	HIS345.2	Kì 2,	

	Phan Châu Trinh		Hà Nội, 1996, Việt Nam		tư tưởng giải phóng dân tộc ở Việt Nam thời cận đại		Năm thứ ba	
284	Phong trào cải cách ở một số nước Đông Á giữa thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
285	Lịch sử thế giới cận đại	Nguyễn Văn Hồng (Chủ biên)	Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
286	Mấy vấn đề về lịch sử châu Á và lịch sử Việt Nam - một cách nhìn	Nguyễn Văn Hồng	Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
287	Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại	Đại học Quốc gia Hà Nội Trường Đại học KHXH & NV	Thế giới, Hà Nội, 2004, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
288	Đại cương lịch sử Việt Nam	Đình Xuân Lâm (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 2001, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	

					XIX - XX			
289	Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám	Trần Văn Giàu	Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1973, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
290	Xu hướng đổi mới trong lịch sử Việt Nam - Những gương mặt tiêu biểu		Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
291	Đông Kinh nghĩa thực và phong trào cải cách văn hoá đầu thế kỉ XX	Chương Thâu	Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1997, Việt Nam	50	Các phong trào duy tân, cải cách ở châu Á thế kỉ XIX - XX	HIS346.1	Kì 1, Năm thứ tư	
292	Tôn giáo thế giới và Việt Nam	Mai Thanh Hải	Công an nhân dân, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	HIS346.2	Kì 1, Năm thứ tư	
293	Lịch sử ba tôn giáo thế giới	Lương Thị Thoa	Giáo dục, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	HIS346.2	Kì 1, Năm thứ tư	
294	Mười tôn giáo lớn trên thế giới	Hoàng Tâm Xuyên (Chủ biên)	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2009, Việt Nam	50	Một số tôn giáo lớn trên thế giới	HIS346.2	Kì 1, Năm thứ tư	
295	Tôn giáo thế giới và Việt Nam	Mai Thanh Hải	Công an nhân dân,	50	Một số tôn giáo	HIS346.2	Kì 1,	

			Hà Nội, 1998, Việt Nam		lớn trên thế giới		Năm thứ tư	
296	Nghiệp vụ sư phạm 1	Nguyễn Thị Yến Thoa, Bùi Thị Hồng Minh	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
297	Giáo trình Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Văn Lũy, Lê Quang Sơn	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
298	Nghiệp vụ sư phạm 3	Bùi Văn Quân (Chủ biên)	Đại học Quốc gia, 2019, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
299	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Thị Thanh Bình, Vũ Thị Ngọc Tú	Đại học Sư phạm, 2018, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
300	Quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	QĐ14/2007/ QĐ-BGDĐT, 2007, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
301	Luật Giáo dục năm 2005 (bổ sung, chỉnh sửa 2009, 2014)		Chính trị Quốc gia, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
302	Tâm lí học xã hội	Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
303	Tôi tự học	Thu Giang, Nguyễn Duy Cần	Trẻ, 2016, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	

304	Giáo dục học, Tập 1	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
305	Tăng cường năng lực kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học sinh	Trần Thị Tuyết Oanh		50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
306	Chương trình giáo dục những giá trị sống - Những hoạt động giá trị dành cho trẻ từ 8 đến 14 tuổi	Nguyễn Thị Bích Hà (Biên dịch)	Trẻ, 2015, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
307	Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Nguyễn Hữu Hợp	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2012, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
308	Giáo dục học, Tập 2	Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội, 2013, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 1	TMT247	Kì 1, Năm thứ ba	
309	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập I2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	HIS248	Kì 1, Năm thứ tư	
310	Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT	Vũ Quang Hiến	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	HIS248	Kì 1, Năm thứ tư	
311	Tài liệu tập huấn giúp viên trường THPT chuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	HIS248	Kì 1, Năm thứ tư	

312	Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử	Nguyễn Thị Côi	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	HIS248	Kì 1, Năm thứ tư	
313	Đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Nghiệp vụ sư phạm 2	HIS248	Kì 1, Năm thứ tư	
314	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	
315	Phương pháp dạy học Lịch sử ở trường THPT	Vũ Quang Hiến	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	
316	Tài liệu tập huấn giúp viên trường THPT chuyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hà Nội, 2010, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	
317	Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử	Nguyễn Thị Côi	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	
318	Đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	
319	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Côi	Đại học Sư phạm, 2006, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	

320	Kênh hình trong dạy học Lịch sử ở trường THPT	Nguyễn Thị Côi	Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2000, Việt Nam	50	Thực hành giảng	HIS249	Kì 1, Năm thứ tư	
321	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	
322	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Côi	Đại học Sư phạm, 2006, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	
323	Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập	Dương Thiệu Tống	Khoa học Xã hội, 2005, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	
324	Đánh giá và đo lường trong Khoa học Xã hội	Nguyễn Công Khanh	Chính trị Quốc gia, 2004, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	
325	Đánh giá trong giáo dục	Trần Bá Hoàn	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	
326	Bài giảng: Đo lường đánh giá trong giáo dục	Lê Đức Ngọc	Trung tâm Đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu phát triển giáo dục, 2000, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	

327	Kiểm tra - đánh giá trong dạy - học đại học	Đặng Bá Lãm	Giáo dục, 2003, Việt Nam	50	Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.1	Kì 2, Năm thứ tư	
328	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Đỗ Mạnh Cường	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2020, Việt Nam	50	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.2	Kì 2, Năm thứ tư	
329	Giáo trình ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Nhiều tác giả	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật, 2015, Việt Nam	50	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.2	Kì 2, Năm thứ tư	
330	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục	Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020, Việt Nam	50	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.2	Kì 2, Năm thứ tư	
331	Thiết kế bài giảng lịch sử ở trường THPT	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Giáo dục, 1998, Việt Nam	50	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử ở trường trung học	HIS452B.2	Kì 2, Năm thứ tư	

332	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2002, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	
333	Phương pháp dạy học Lịch sử	Phan Ngọc Liên và Trần Văn Trị (Chủ biên)	Giáo dục, Hà Nội, 1998, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	
334	Bài học Lịch sử ở trường phổ thông trung học	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Đại học Huế, 1996, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	
335	Chuẩn bị giờ học Lịch sử như thế nào?	Đairi	Giáo dục, Hà Nội, 1973, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	
336	Bài học là gì?	Hồ Ngọc Đại	Giáo dục, Hà Nội, 1984, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	
337	Gây hứng thú học tập Lịch sử	Phan Ngọc Liên	Giáo dục, Hà Nội, 1989, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	
338	Sách giáo khoa Lịch sử các lớp		Giáo dục, Việt Nam	50	Bài học Lịch sử ở trường trung học phổ thông	HIS452B.3	Kì 2, Năm thứ tư	

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kì, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, kí hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>	<i>(7)</i>	<i>(8)</i>	<i>(9)</i>
1	Máy tính Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội	Tin học đại cương	Kì 2, năm thứ nhất	01	
2	Máy tính, Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội	Tiếng Anh 1	Kì 1, năm thứ nhất	01	
3	Máy tính, Tai nghe Mạng internet	Đông Nam Á	50	Khoa Ngữ văn và Khoa học Xã hội	Tiếng Anh 2	Kì 1, năm thứ ba	01	

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lí kê khai
(theo từng mẫu trên)
(Kí tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Kí tên, đóng dấu)